

## BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

**Khả năng của Việt Nam gia nhập  
Nghị định thư tùy chọn thứ hai về  
Bãi bỏ hình phạt tử hình theo  
Công ước quốc tế về các quyền  
dân sự và chính trị (ICCPR)**



**BỘ TƯ PHÁP**



**LIÊN MINH CHÂU ÂU**



**CHƯƠNG TRÌNH  
PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC**

Nghiên cứu này là một hoạt động thuộc chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE). Chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE) do Liên minh Châu Âu tài trợ với sự đóng góp tài chính từ UNDP và UNICEF. Chương trình do hai cơ quan này của Liên hợp quốc thực hiện với sự phối hợp của Bộ Tư pháp Việt Nam.

### Nhóm nghiên cứu

Nguyễn Thị Thanh Hải, Tiến sĩ (Trưởng nhóm – Giảng viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Nguyễn Văn Hoàn, (Thành viên nhóm nghiên cứu – Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp)

Nguyễn Minh Khuê, Tiến sĩ (Thành viên nhóm nghiên cứu – Phó Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp)

Quan điểm trong nghiên cứu này là của các tác giả và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Liên minh Châu Âu và Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc.

### Trích dẫn

MOJ, UNDP và EU năm 2019, Khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.



**EU JULE**

Hà Nội, tháng 10/2019



## MỤC LỤC

<b>Danh mục từ viết tắt</b>	iii
<b>Lời cảm ơn</b>	iv
<b>Tóm tắt</b>	v
Giới thiệu	1
<b>Phần I</b>	<b>5</b>
<b>Thông tin chung về việc bãi bỏ hình phạt tử hình và Nghị định thư tùy chọn thứ hai theo công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị</b>	
I. Khuôn khổ pháp lý quốc tế về bãi bỏ hình phạt tử hình	5
1. Vấn đề tử hình và các xu thế bãi bỏ hình phạt tử hình	5
2. Các quan điểm khác nhau về hình phạt tử hình	6
3. Pháp luật quốc tế về bãi bỏ hình phạt tử hình	8
II. Một số nội dung chính của nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo ICCPR	10
<b>Phần II</b>	<b>13</b>
<b>Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về bãi bỏ hình phạt tử hình</b>	
I. Bối cảnh chung	13
II. Các quốc gia thành viên của Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo ICCPR	14
III. Các quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình nhưng chưa phê chuẩn nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo ICCPR	17
IV. Các quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình trên thực tế	18
V. Khuyến nghị từ các cơ chế Liên Hợp Quốc về quyền con người đối với việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam	18
<b>Phần III</b>	<b>23</b>
<b>Pháp luật Việt Nam về hình phạt tử hình và khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo ICCPR</b>	
I. Pháp luật Việt Nam về hình phạt tử hình	23
1. Quy định của BLHS về hình phạt tử hình	23
2. Quy định của BLTTHS liên quan đến việc áp dụng và thi hành án tử hình	27
3. Quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và Luật Thi hành án hình sự liên quan đến vấn đề thi hành án tử hình	29
II. Khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo ICCPR	30
1. Tính tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình	30
2. Khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam	32
<b>Phần IV</b>	<b>37</b>
<b>Kết luận và Kiến nghị</b>	
I. Kết luận	37
II. Kiến nghị	38
Phụ lục 1	39
Phụ lục 2	41



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LHQ	Liên Hợp Quốc
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị
UPR	Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát
BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSNDTC	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao



## LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) đã hỗ trợ cho nghiên cứu này. Chúng tôi cảm ơn Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam đã tài trợ nghiên cứu này trong khuôn khổ Chương trình Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE) và cảm ơn Vụ Pháp luật Quốc tế, Bộ Tư pháp Việt Nam đã hỗ trợ và phối hợp trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

Nhóm tác giả cũng cảm ơn đại diện của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, các chuyên gia pháp lý, các học giả và những người phản biện đã đóng góp các ý kiến quý báu trong quá trình tham vấn để hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu. Nếu thiếu sự đóng góp của họ, chúng tôi không thể thực hiện Nghiên cứu này. Cuối cùng, chúng tôi muốn bày tỏ lời cảm ơn tới những người đã dành thời gian chia sẻ ý kiến, quan điểm trong các cuộc phỏng vấn.

Nhóm tác giả



Báo cáo nghiên cứu này nhằm đánh giá về khả năng của Việt Nam phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị nhằm bãi bỏ hình phạt tử hình (sau đây gọi tắt là Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình). Báo cáo tập trung phân tích: (a) khuôn khổ pháp lý quốc tế và kinh nghiệm xây dựng pháp luật về bãi bỏ hình phạt tử hình ở một số quốc gia, (b) tính tương thích giữa các quy định về hình phạt tử hình trong hệ thống pháp luật Việt Nam với Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình và (c) đánh giá khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam. Báo cáo dựa trên việc tổng thuật tài liệu và nghiên cứu định tính với 30 cuộc phỏng vấn đối với người làm công tác thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, công chức, luật sư, học giả đang công tác trong lĩnh vực pháp luật hình sự. Nghiên cứu do các tư vấn viên độc lập thực hiện trong Chương trình tăng cường pháp luật và tư pháp ở Việt Nam (Chương trình EU JULE).

Tử hình là một hình phạt được chấp nhận từ xa xưa trong lịch sử xã hội loài người và đã từng được hệ thống pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới ghi nhận và áp dụng khá rộng rãi. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nhà nước pháp quyền và tiến bộ xã hội, ngày càng có nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ hình phạt tử hình cả trong luật lẫn trên thực tế, tạo nên một xu hướng toàn cầu. Trong những thập kỷ gần đây, mặc dù có sự khác biệt về bối cảnh pháp luật, văn hoá, xã hội, kinh tế và tôn giáo, số lượng các quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình tăng lên đáng kể. Có hơn 4/5 các quốc gia trên thế giới đã bãi bỏ hoặc

không áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế. Tính đến năm 2018, có 142 quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình (trong hệ thống pháp luật và trên thực tế); chỉ còn 56 quốc gia vẫn duy trì và áp dụng hình phạt tử hình trong hệ thống pháp luật của mình.






Khuôn khổ pháp lý quốc tế về bãi bỏ hình phạt tử hình đã được các cơ quan của Liên hợp quốc (LHQ) và các cơ chế khu vực về quyền con người phát triển và hoàn thiện dần. Trên những diễn đàn này, các quốc gia đã cùng nhau ghi nhận rằng hình phạt tử hình gây tổn hại đến nhân phẩm và việc thực hiện quyền con người. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) là văn kiện pháp lý đầu tiên quy định về nghĩa vụ các quốc gia trong việc bảo đảm quyền sống của con người như một quyền tối cao. Công ước này kêu gọi các quốc gia thành viên còn duy trì hình phạt tử hình giới hạn việc áp dụng hình phạt này chỉ đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất với những điều kiện chặt chẽ. Một dấu ấn quan trọng trên con đường tiến tới bãi bỏ tử hình là việc Đại hội đồng LHQ thông qua Nghị định thư về bãi bỏ tử hình vào tháng 12 năm 1989. Các quốc gia thành viên Nghị định thư này có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình trong phạm vi quyền tài phán của mình - cả trong hệ thống pháp luật lẫn trên thực tế. Tính đến tháng 12/2018, có 86 quốc gia đã phê chuẩn Nghị định thư này. Ủy ban Quyền con người - cơ quan giám sát việc thực hiện ICCPR - đã đưa ra khuyến nghị kêu gọi các quốc gia thành viên của ICCPR xem xét gia nhập hoặc phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. LHQ cũng đã thông qua một loạt các Nghị quyết kêu gọi các quốc gia thành viên áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình với ý định là sẽ bãi bỏ hình phạt tử hình.

Mặc dù phạm vi áp dụng hình phạt tử hình ngày càng được thu hẹp, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia còn duy trì hình phạt tử hình đối với một số tội phạm. Vì vậy, việc bãi bỏ hình phạt tử hình, trong đó có việc phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình là một trong những chủ đề quan tâm mà các cơ chế về quyền con người của LHQ, bao gồm cả Cơ chế kiểm điểm định kỳ (UPR) và cơ chế điều ước, thường nêu ra đối với Việt Nam.

Báo cáo nghiên cứu này đánh giá tính tương thích giữa các quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam với Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình và chỉ ra rằng, vẫn còn tồn tại một số trở ngại trong việc tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực của ICCPR về việc thu hẹp phạm vi và hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, đặc biệt là quan niệm về “tội phạm nghiêm trọng nhất” theo cách giải thích của Ủy ban Quyền con người. Báo cáo cũng cho rằng, tại thời điểm hiện

nay, Việt Nam chưa sẵn sàng hay nói cách khác là điều kiện chưa cho phép để hoàn toàn bãi bỏ hình phạt tử hình. Những người được phỏng vấn trong nghiên cứu này cho rằng, việc bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình hiện nay là quá sớm. Tuy nhiên, xu hướng chung vẫn là ủng hộ việc thu hẹp dần phạm vi áp dụng hình phạt tử hình, tiến tới bãi bỏ hình phạt này, tạo điều kiện để Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

Trong bối cảnh xu hướng toàn cầu ủng hộ việc bãi bỏ hình phạt tử hình hiện nay thì điều quan trọng là Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng hạn chế áp dụng và tiến tới bãi bỏ hình phạt tử hình. Những bước đi này cũng giúp cho Việt Nam đáp ứng được các điều kiện cần thiết để gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào thời điểm thích hợp. Trong thời gian tới, Việt Nam cần thực hiện các bước sau:

	(1) Tiếp tục nghiên cứu và phổ biến những kinh nghiệm có liên quan về bãi bỏ hình phạt tử hình nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện để hoạch định chính sách quốc gia về hình phạt tử hình
	(2) Nâng cao nhận thức cho công chúng và đội ngũ cán bộ, công chức về các nội dung liên quan đến việc tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ hình phạt tử hình; tăng cường các chiến dịch truyền thông và các hoạt động khác nhằm mở mang kiến thức về hình phạt tử hình
	(3) Tiếp tục giảm số lượng các tội danh có thể bị áp dụng hình phạt tử hình, mở rộng diện các đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành án tử hình hoặc được hoãn thi hành án tử hình thông qua việc sửa đổi các văn bản liên quan và cần xem xét lại quan niệm về “các tội phạm nghiêm trọng nhất” bị áp dụng hình phạt tử hình để bảo đảm phù hợp với quan niệm của pháp luật quốc tế về quyền con người và Điều 6 của ICCPR
	(4) Coi việc áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình là một bước chuẩn bị quan trọng tiến tới việc bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình
	(5) Tập trung nghiên cứu sâu về các biện pháp thay thế hình phạt tử hình trên cơ sở thực tiễn của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các khuyến nghị phù hợp, vừa bảo đảm tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Việt Nam, vừa bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm



Từ góc độ pháp lý, tử hình có thể được xem như một hình phạt nhằm tước bỏ tính mạng của một người đã phạm một tội nghiêm trọng theo bản án được tuyên bởi một toà án được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Trong lịch sử, hình thức trừng phạt này đã từng được hệ thống pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới thừa nhận và áp dụng khá rộng rãi để phòng chống tội phạm và bảo vệ xã hội khỏi nguy hiểm.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nhà nước pháp quyền và sự tiến bộ của xã hội, đã xuất hiện một trào lưu mới coi việc áp dụng hình phạt tử hình là không cần thiết, không công bằng hoặc không hiệu quả. Quan điểm cần phải loại bỏ hình phạt tử hình ra khỏi xã hội dân chủ và văn minh nhằm bảo đảm việc thực hiện hiệu quả quyền sống của con người như đã được ghi nhận tại Điều 3 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và Điều 6 của ICCPR ngày càng nhận được sự đồng thuận quốc tế<sup>1</sup>. Vì vậy, nhiều quốc gia bắt đầu loại bỏ hình phạt này ra khỏi pháp luật hình sự của mình hoặc quyết định không áp dụng hình thức trừng phạt này trong hệ thống pháp luật của mình.

Tư tưởng về xoá bỏ hình phạt tử hình đã xuất hiện từ khoảng giữa thế kỷ 18<sup>2</sup>. Tuy

1 Hơn 20 năm qua, hơn 50 quốc gia đã xoá bỏ án tử hình ra khỏi hệ thống luật pháp của mình. Xem: <https://www.diplomatie.gouv.fr/en/french-foreign-policy/human-rights/death-penalty/the-death-penalty-around-the-world/>; Liên hợp quốc, Bãi bỏ tử hình, Xu hướng và Triển vọng, 2015, xem tại <https://www.ohchr.org/EN/newyork/Documents/Moving-Away-from-the-Death-Penalty-2015-web.pdf>, truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2019

2 Xem: Trung tâm Thông tin về Tử hình, Giới thiệu về Tử hình tại địa chỉ: <https://deathpenaltyinfo.org/part-i-history-death-penalty>; Oliver Pickup, Lịch sử của tử hình, xem tại: <https://www.raconteur.net/current-affairs/the-history-of-the-death-penalty>, truy cập ngày 5 tháng 1 năm 2019

nhiên, phong trào xoá bỏ hình phạt tử hình chỉ bắt đầu trở nên phổ biến từ sau chiến tranh thế giới thứ II, đặc biệt là từ khoảng những năm 1990. Từ đó đến nay, số lượng các quốc gia loại bỏ hình phạt tử hình khỏi hệ thống pháp luật và chấm dứt việc áp dụng hình phạt này trên thực tế ngày một gia tăng. Nếu như năm 1984 mới chỉ có 64 quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình cả trong luật lẫn trên thực tế, thì năm 1994 là 97 quốc gia, và năm 2014 là 117 quốc gia<sup>3</sup>.

Tính đến tháng 7 năm 2018, có 142 quốc gia trên thế giới đã bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật và trên thực tế, trong đó 106 quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tất cả các loại tội phạm, 8 quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình đối với loại tội phạm thông thường<sup>4</sup> và 28 quốc gia đã chấm dứt việc áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế<sup>5</sup>. Tính đến tháng 7 năm 2018, trên thế giới chỉ còn 56 quốc gia vẫn còn duy trì và áp dụng hình phạt tử hình trong hệ thống pháp luật của mình<sup>6</sup>. Điều này có nghĩa là hiện nay đã có tới hơn 2/3 các quốc gia trên thế giới đã bãi bỏ hình phạt tử hình. Nhiều quốc gia cũng đã có các chương trình thúc đẩy việc bãi bỏ hình phạt tử hình trên toàn thế giới và coi đây như một phần trong chính sách đối ngoại hoặc trong các chương trình phát triển ở nước ngoài của họ. Trong bài phát biểu tại sự kiện đặc biệt về “Kinh nghiệm

3 Trung tâm Thông tin về Tử hình, Hạn chế Tử hình, <https://deathpenaltyinfo.org/part-ii-history-death-penalty>, truy cập ngày 7 tháng 1 năm 2019

4 Nghĩa là những quốc gia mà luật pháp áp dụng án tử hình cho những tội phạm đặc biệt như tội phạm phạm tội theo luật quân sự hoặc tội phạm phạm tội trong những trường hợp đặc biệt. <https://www.amnesty.org/download/Documents/ACT5066652017ENGLISH.pdf>

5 Xem Abolitionist and retentionist countries as of July 2018, at: <https://www.amnesty.org/download/Documents/ACT5066652017ENGLISH.pdf>

6 Xem: Các quốc gia bãi bỏ và duy trì án tử hình kể từ tháng 7 năm 2018, tại địa chỉ: <https://www.amnesty.org/download/Documents/ACT5066652017ENGLISH.pdf>

tốt và thách thức trong việc thực hiện bãi bỏ hình phạt tử hình” do Văn phòng Cao ủy LHQ về quyền con người và Phái đoàn thường trực của Italia tại LHQ đồng tổ chức vào ngày 02/7/2014, nguyên Tổng thư ký LHQ, ông Ban-ki-moon đã khẳng định rằng “hình phạt tử hình sẽ không còn tồn tại trong thế kỷ 21”<sup>7</sup>.

Một trong những nỗ lực pháp lý quan trọng nhất mà LHQ đã tiến hành để ủng hộ việc bãi bỏ hình phạt tử hình là việc thông qua Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Nghị định thư này được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 15/12/1989 theo Nghị quyết 44/128. Nghị định thư được mở để ký và phê chuẩn vào cùng năm đó và đã có hiệu lực từ tháng 7 năm 1991. Tính đến tháng 12 năm 2018, Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình đã được 86 quốc gia phê chuẩn.

Việt Nam là quốc gia thành viên của 7/9 điều ước quốc tế cốt lõi về quyền con người, bao gồm ICCPR<sup>8</sup>. Hiện nay, pháp luật hình sự của Việt Nam vẫn còn quy định việc áp dụng hình phạt tử hình đối với một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những nỗ lực tích cực nhằm giảm dần số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình bằng việc đưa chủ trương chính sách về vấn đề này trong chiến lược phát triển hệ thống pháp luật, bao gồm cả xây dựng và thi hành pháp luật.

BLHS của Việt Nam qua các lần sửa đổi, bổ sung đã giảm đáng kể số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình. Các thủ tục tố tụng đối với vụ án mà bị can,

7 Ban Ki-Moon, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, phát biểu tại Toà đàm “Kinh nghiệm tốt và thách thức trong việc thực hiện ngừng thi hành hình phạt tử hình”, Niu Oóc, 2 tháng 7 năm 2014. Xem tại địa chỉ: [www.un.org/sg/statements/index.asp?nid=7840](http://www.un.org/sg/statements/index.asp?nid=7840)

8 Việt Nam là quốc gia thành viên của ICCPR, IESCR, CRC, CEDAW, CAT, CERD, và CRPD.

bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm có hình phạt cao nhất là tử hình, thủ tục thi hành án tử hình và việc thay đổi cách thức thi hành án tử hình từ hình thức xử bắn thay thế bằng hình thức tiêm thuốc độc cũng đã được sửa đổi tại các văn bản pháp luật có liên quan.

Một trong những khuyến nghị mà Chính phủ Việt Nam nhận được từ cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng quyền con người và của các Ủy ban giám sát thực thi các Công ước mà Việt Nam là quốc gia thành viên là giảm số tội danh có thể áp dụng hình phạt tử hình và cân nhắc việc tạm ngừng áp dụng hình phạt tử hình<sup>9</sup>. Những khuyến nghị chủ yếu khác liên quan đến việc phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

### Mục đích và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ chương trình Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE), nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Nghiên cứu đưa ra các phân tích về khuôn khổ pháp luật quốc tế, giới thiệu kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia về bãi bỏ hình phạt tử hình và giới thiệu khái quát về các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt tử hình cũng như việc thi hành án tử hình trong thực tế ở Việt Nam. Nghiên cứu này cũng đánh giá về tính tương thích giữa pháp luật quốc tế và pháp luật và thực tiễn của Việt Nam về vấn đề hình phạt tử hình. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra một số đánh giá, khuyến nghị về khả năng và triển vọng của Việt Nam gia nhập Nghị

9 Khuyến nghị 143.94 “ít nhất nên xem xét việc hạn chế chỉ sử dụng hình phạt tử hình cho những tội phạm nghiêm trọng nhất như được đề cập trong Điều 6 của ICCPR nhằm sớm dừng và bãi bỏ án tử hình” (A/HRC/26/6).

định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình trong thời gian tới.

### Phương pháp nghiên cứu

Do hạn chế về thời gian nên nghiên cứu này không thể thực hiện việc khảo sát định tính và định lượng trên diện rộng mà chủ yếu giới hạn ở việc khảo sát định tính và nghiên cứu trên cơ sở tài liệu sẵn có. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành khoảng 30 cuộc trao đổi, phỏng vấn bán cấu trúc trong phạm vi hẹp<sup>10</sup> với các cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, các nhà hoạch định chính sách và xây dựng pháp

luật, các luật sư và các chuyên gia pháp lý đang tham gia nghiên cứu, giảng dạy pháp luật hình sự tại một số cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Những người được phỏng vấn bao gồm: (1) các chuyên gia pháp luật làm việc tại các bộ và cơ quan trung ương (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); (2) các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán ở địa phương (ở Đà Nẵng, An Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, thành phố Hồ Chí Minh và Vĩnh Long); (3) các luật sư; và (4) giảng viên của một cơ sở đào tạo luật (Trường Đại học Luật Hà Nội).

# PHẦN I

**THÔNG TIN CHUNG VỀ VIỆC BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ  
NGHỊ ĐỊNH THƯ TỰY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH  
THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ**

<sup>10</sup> Xem thêm phần Phụ lục 1 và 2 trong báo cáo này để biết thêm chi tiết về phương pháp nghiên cứu và kết quả các cuộc phỏng vấn.

## THÔNG TIN CHUNG VỀ VIỆC BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TỰY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ

### I. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ QUỐC TẾ VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

#### 1. Vấn đề tử hình và các xu thế bãi bỏ hình phạt tử hình

Hiện nay, tử hình vẫn tiếp tục được sử dụng như là một hình phạt đối với các tội nghiêm trọng ở 56 quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phần lớn số lượng án tử hình chủ yếu được thi hành ở một số ít các quốc gia.

Theo Tổ chức Ân xá quốc tế, tính đến cuối năm 2017, trên thế giới có ít nhất 21.919 người đã bị kết án tử hình. Trong năm 2017, có ít nhất 2.591 bản án tử hình đã được tuyên ở 53 quốc gia và có ít nhất 993 án tử hình được thi hành ở 23 quốc gia<sup>11</sup>. Trung Quốc được biết đến như là quốc gia có số lượng án tử hình được thi hành nhiều nhất, mặc dù không có số liệu chính thức được công bố vì số liệu về thi hành án tử hình được coi là bí mật quốc gia tại quốc gia này. Các vụ việc thi hành án tử hình được báo chí đưa tin cũng chỉ phản ánh một phần nhỏ số vụ việc thi hành án tử hình được thực hiện trong thực tế. Theo số liệu liên quan đến vụ việc thi hành án

11 Tổ chức Ân xá quốc tế, Án tử hình trong năm 2017: số liệu thực tế <https://www.amnesty.org/en/latest/news/2018/04/death-penalty-facts-and-figures-2017/>

tử hình được thực hiện thì xếp sau Trung Quốc là Iran, rồi đến Ả Rập Xê Út, I-rắc và Pa-ki-xtan – số vụ việc thi hành án tử hình được thực hiện ở 4 quốc gia này chiếm 84% trong tổng số vụ việc thi hành án tử hình được biết đến<sup>12</sup>.

Các quốc gia đầu tiên bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tất cả các loại tội phạm là Venezuela (năm 1863) và Bồ Đào Nha (năm 1867). Tiếp đó, vào khoảng nửa cuối thế kỷ thứ 19, một số quốc gia ở Châu Âu như Hà Lan, Thụy Sĩ và Ý đã dần dần bãi bỏ hình phạt tử hình đối với “các tội phạm thông thường” trong hệ thống pháp luật của mình, hay nói cách khác là những tội phạm không liên quan hậu quả của chiến tranh hay tình trạng náo động trong xã hội. Số lượng các quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật và trên thực tế đã tăng đáng kể vào cuối thế kỷ 20<sup>13</sup>. Với sự ra đời của LHQ, hình phạt tử hình ngày càng được thừa nhận như là một vấn đề quyền con người trên quy mô toàn cầu chứ không còn là vấn đề pháp luật nội bộ của từng quốc gia. Đáng lưu ý là vào năm 1971, Đại hội đồng LHQ đã thông qua một nghị quyết<sup>14</sup> nhằm bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền sống, trong đó kêu gọi tất cả các quốc gia hạn chế áp dụng hình phạt tử hình với mục đích nhằm từng bước bãi bỏ hình phạt tử hình. Phong trào vận động giảm và bãi bỏ hình phạt tử hình trên thế giới đã trở nên đặc biệt mạnh mẽ trong thập niên 1990, đặc biệt là ở châu Âu.

Với những nỗ lực đã đạt được theo thời gian, việc thúc đẩy chấm dứt áp dụng

12 Tổ chức Ân xá quốc tế, Án tử hình trong năm 2017: số liệu thực tế <https://www.amnesty.org/en/latest/news/2018/04/death-penalty-facts-and-figures-2017/>

13 Roger Hood, Án tử hình, từ điển Bách khoa toàn thư, <https://www.britannica.com/topic/capital-punishment>

14 Nghị quyết 2857 (XXVI) của Liên hợp quốc về Án tử hình, 20/12/1971, xem tại: <https://documents-dds-ny.un.org/doc/RESOLUTION/GEN/NRO/328/73/IMG/NR032873.pdf?OpenElement>

hình phạt tử hình và khuyến khích bãi bỏ hình phạt tử hình đã trở thành một phong trào mang tính toàn cầu. Các tổ chức quốc tế như LHQ đã có nhiều sáng kiến ủng hộ xu hướng này<sup>15</sup>. Một số quốc gia như Úc đã thông qua chiến lược và kế hoạch hành động để tiến hành các chiến dịch về tạm ngừng áp dụng và bãi bỏ hình phạt tử hình. Một số quốc gia khác cũng đã đưa vấn đề tạm ngừng áp dụng và bãi bỏ hình phạt tử hình vào trong chính sách đối ngoại của mình<sup>16</sup>. Bộ Ngoại giao Thụy Sĩ đã thông qua Kế hoạch hành động về bãi bỏ tử hình trên phạm vi toàn cầu giai đoạn 2017 - 2019<sup>17</sup>, trong khi đó chính phủ Anh cũng có chiến lược bãi bỏ tử hình trong giai đoạn 2011-2015<sup>18</sup>.

#### 2. Các quan điểm khác nhau về hình phạt tử hình

Câu hỏi về việc duy trì hay bãi bỏ hình phạt tử hình đã trở thành một vấn đề gây tranh cãi, dẫn đến rất nhiều cuộc tranh luận về mặt đạo đức và pháp lý. Tranh luận về chủ đề này chủ yếu tập trung vào một số vấn đề như: liệu việc duy trì hình phạt tử hình có phải là biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm có hiệu quả hay không hoặc là liệu trên thực tế, hình phạt tử hình có phải là vi phạm quyền sống hay không?

Quan điểm cho rằng, hình phạt tử hình là

15 Cao ủy Quyền con người của Liên hợp quốc, Xóa bỏ án tử hình-những bài học từ kinh nghiệm quốc gia [https://www.ohchr.org/Lists/MeetingsNY/Attachments/27/moving\\_away\\_from\\_death\\_penalty\\_web.pdf](https://www.ohchr.org/Lists/MeetingsNY/Attachments/27/moving_away_from_death_penalty_web.pdf)

16 Xem: Bộ Ngoại giao Úc, Chiến lược của Úc trong việc xóa bỏ án tử hình, tháng 6 năm 2018.

17 Xem: Bộ ngoại giao Thụy Sĩ, Kế hoạch hành động FDFA bãi bỏ toàn cầu án tử hình, 2017-2019, xem tại: [https://www.eda.admin.ch/dam/eda/en/documents/publications/MenschenrechtehumanitaerePolitikundMigration/aktions-plan-todesstrafe-2017-19\\_EN.pdf](https://www.eda.admin.ch/dam/eda/en/documents/publications/MenschenrechtehumanitaerePolitikundMigration/aktions-plan-todesstrafe-2017-19_EN.pdf)

18 Xem: Bộ Ngoại giao Anh, Chiến lược HMG xóa bỏ án tử hình giai đoạn 2010-2015, xem tại: [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/35448/death-penalty-strategy-oct-11-15.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/35448/death-penalty-strategy-oct-11-15.pdf)

cần thiết thường dựa trên các lý lẽ sau đây:

Thứ nhất, hình phạt tử hình dựa trên quan điểm “lấy tội đền tội” để trừng phạt kẻ phạm tội. Quan điểm này có nguồn gốc từ thời cổ đại. Bộ luật Hammurabi, dựa trên lý lẽ cho rằng “Nếu một kẻ dám móc mắt của kẻ khác thì kẻ đó cũng phải bị móc mắt. Nếu một kẻ làm gãy xương người khác, thì kẻ đó cũng sẽ bị bẻ xương”. Lý lẽ này có tác động đáng kể đến tư duy về hình phạt tử hình, cả về mặt đạo đức lẫn luật pháp, đó là: người phạm tội phải trả giá nếu như người đó đã thực hiện một tội nghiêm trọng. Theo đó, hình phạt tử hình được coi là hình thức bù đắp cần thiết về những mất mát đã gây ra cho nạn nhân và gia đình họ.

Thứ hai, hình phạt tử hình có giá trị răn đe đặc biệt, không thể thay thế trong việc ngăn ngừa tội giết người hoặc các tội phạm nghiêm trọng khác. Lối suy nghĩ này xuất phát từ giả thuyết cho rằng, hành vi của mỗi người bị ảnh hưởng bởi sự sợ hãi, vì vậy, những kẻ có ý định phạm tội sẽ phải nghĩ đến hậu quả mà mình có thể phải gánh chịu – bao gồm khả năng bị xử tử<sup>19</sup>. Đây được coi là lý lẽ phổ biến mà các quốc gia đang duy trì hình phạt tử hình đều đưa ra.

Thứ ba, có lý lẽ cho rằng, hình phạt tử hình sẽ ít tốn kém hơn cho xã hội so với hình phạt tù chung thân.

Thứ tư, việc áp dụng hình phạt tử hình là để loại bỏ những tội phạm nguy hiểm nhất ra khỏi xã hội để nó không có cơ hội đe dọa an ninh, hòa bình và các quyền con người của người khác<sup>20</sup>.

19 Robert G. Caldwell, Tại sao hình phạt tử hình vẫn được duy trì? Biên niên sử Viện Hàn lâm Khoa học và Chính trị Xã hội Hoa Kỳ, Tập 284, Giết người và Án tử hình (Tháng 11, năm 1952), trang 45-53

20 Robert G. Caldwell, Tại sao hình phạt tử hình vẫn được

Ngược lại với quan điểm trên, trong những thập kỷ gần đây, nhiều quốc gia, tổ chức xã hội, các nhà nghiên cứu về pháp luật và quyền con người, các nhà tội phạm học, ... đã đưa ra nhiều lý lẽ để phản đối việc duy trì hình phạt tử hình, dù dưới bất kỳ hình thức nào. Các cá nhân, tổ chức và các quốc gia cho rằng, việc duy trì hình phạt tử hình là không cần thiết, không hiệu quả, không công bằng và vì vậy, phản đối việc duy trì hình phạt tử hình với những lý do sau:

Một là, việc coi hình phạt tử hình như một biện pháp hiệu quả trong việc răn đe tội phạm là không đúng. Nhiều quốc gia, tổ chức và cá nhân lập luận rằng, tác dụng của hình phạt tử hình đối với việc răn đe tội phạm cũng giống như các loại hình phạt khác. Chẳng hạn, các báo cáo và nghiên cứu của LHQ đánh giá về mối quan hệ giữa hình phạt tử hình và tỷ lệ tội phạm ở các quốc gia trên thế giới đã kết luận rằng, không có bằng chứng khoa học nào cho thấy việc thi hành án tử hình có tác dụng ngăn chặn tội phạm tốt hơn so với hình phạt tù chung thân<sup>21</sup>. Điều này ủng hộ kết luận cho rằng, những tác dụng tích cực giả định của hình phạt tử hình đối với việc răn đe tội phạm là không có cơ sở<sup>22</sup>.

duy trì? Biên niên sử Viện Hàn lâm Khoa học và Chính trị Xã hội Hoa Kỳ, Tập 284, Giết người và Án tử hình (Tháng 11, năm 1952), trang 45-53

21 Ví dụ xem: Hội đồng Quyền con người, Xóa bỏ án Tử hình, năm 2015, xem tại <https://www.ohchr.org/EN/newyork/Documents/Moving-Away-from-the-Death-Penalty-2015-web.pdf>; Hội đồng Quyền con người, Xóa bỏ án Tử hình, năm 2012, xem tại: [https://www.ohchr.org/Lists/MeetingsNY/Attachments/27/moving\\_away\\_from\\_death\\_penalty\\_web.pdf](https://www.ohchr.org/Lists/MeetingsNY/Attachments/27/moving_away_from_death_penalty_web.pdf). Hội đồng Quyền con người, Hình phạt tử hình và việc áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền của những người đối diện với án tử hình, Bổ sung hàng năm của Tổng thư ký vào báo cáo hàng năm của mình về hình phạt tử hình, 16 tháng 7, năm 2015, xem tại: [https://www.ohchr.org/Documents/Issues/DeathPenalty/A-HRC-30-18\\_en.pdf](https://www.ohchr.org/Documents/Issues/DeathPenalty/A-HRC-30-18_en.pdf)

22 John Donohue, Không có bằng chứng nào cho thấy tử hình có tác dụng răn đe tội phạm, theo The conversation, <https://theconversation.com/theres-no-evidence-that-death-penalty-is-a-deterrent-against-crime-43227>

Nhiều nghiên cứu khác cũng cho thấy, tỷ lệ tội phạm ở các quốc gia còn duy trì hình phạt tử hình (ví dụ Singapore) không thấp hơn so với những quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình (ví dụ Hồng Kông). Tương tự như vậy, ở Mỹ, tỷ lệ tội phạm giết người ở 36 Bang còn duy trì và áp dụng hình phạt tử hình cao hơn so với các Bang đã bãi bỏ hình phạt tử hình. Cũng cần lưu ý rằng, ở Canada, tỷ lệ tội phạm giết người năm 2008 đã giảm 1/2 kể từ khi quốc gia này bãi bỏ hình phạt tử hình vào năm 1976<sup>23</sup>.

Do đó, dường như sự phong phú về dữ liệu đã chứng minh cho sự khẳng định rằng, hình phạt tử hình không phải là biện pháp hiệu quả trong việc ngăn ngừa tội phạm. Dựa trên những điều đó, năm 2010, LHQ đã thông qua Nghị quyết số 65/206 về “Đình chỉ việc sử dụng hình phạt tử hình”, trong đó nêu rõ “chưa có bằng chứng rõ ràng nào về giá trị răn đe tội phạm của hình phạt tử hình.”

Hai là, việc thi hành án tử hình sẽ dẫn tới hậu quả là trong trường hợp có oan sai thì không thể khắc phục được. Những thiếu sót trong hệ thống pháp luật hình sự của nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có nền tư pháp yếu kém và không hiệu quả, có thể dẫn đến việc kết án và thi hành án tử hình sai.

Một nghiên cứu của các nhà khoa học ở Mỹ cho thấy, trong khoảng thời gian từ 1973 đến 2004, tỷ lệ kết án tử hình sai chiếm khoảng 4,1%. Nghiên cứu này cũng lưu ý rằng, đây chỉ là sự ước lượng dè dặt<sup>24</sup>, với

23 Tổ chức Ân xá quốc tế, Án tử hình – Câu trả lời cho những thắc mắc của bạn, xem tại <https://www.amnesty.org/en/what-we-do/death-penalty/death-penalty-your-questions-answered/>

24 Tỷ lệ kết án sai các bị cáo hình sự bị kết án tử hình, Samuel R. Gross, Barbara O'Brien, Chen Hu, and Edward H. Kennedy PNAS, ngày 20 tháng 5, năm 2014, 111 (20) 7230-7235; xuất bản online trước khi được in vào ngày 28, tháng 4 năm 2014 tại <https://doi.org/10.1073/pnas.1306417111>

nhận định rằng, riêng tại Mỹ, một số người vô tội đã bị tử hình trong giai đoạn này. Tỷ lệ này có thể cao hơn ở các quốc gia có nền tư pháp hình sự hoạt động kém hiệu quả.

Ba là, việc áp dụng hình phạt tù chung thân đối với những người phạm tội mà bị coi là mối đe dọa cho xã hội sẽ có tác dụng ngăn ngừa những người này tái phạm giống như hình phạt tử hình, do vậy, việc áp dụng hình phạt tử hình là không cần thiết<sup>25</sup>.

Bốn là, có bằng chứng cho rằng, trong thực tế không cần dùng hình phạt tử hình để trừng trị kẻ phạm tội như là một sự bù đắp cho những mất mát đối với nạn nhân và gia đình của họ. Một số nghiên cứu cho thấy, không phải tất cả nạn nhân hoặc gia đình của họ đều cảm thấy được đền bù thiệt hại khi những kẻ phạm tội bị tử hình. Tại một số quốc gia, nhiều nạn nhân đã tìm thấy sự thanh thản khi tha thứ cho kẻ phạm tội xuất phát từ niềm tin cho rằng, không nên sử dụng việc lấy đi mạng sống của một người để đáp trả hành động giết người hoặc các tội phạm nghiêm trọng khác<sup>26</sup>.

Năm là, quan điểm cho rằng, hình phạt tử hình “đỡ tốn kém” hơn so với hình phạt tù chung thân là không hoàn toàn chính xác. Trong thực tế, việc duy trì hình phạt tử hình rất tốn kém vì nó không chỉ bao gồm chi phí cho việc thi hành án và mai táng người bị tử hình mà còn cả những chi phí cho các hoạt động tố tụng liên quan<sup>27</sup>.

25 Tổ chức Ân xá quốc tế, Hình phạt tử hình – Câu trả lời cho những thắc mắc của bạn, xem tại <https://www.amnesty.org/en/what-we-do/death-penalty/death-penalty-your-questions-answered/>

26 Tổ chức Ân xá quốc tế, Hình phạt tử hình – Câu trả lời cho những thắc mắc của bạn, xem tại <https://www.amnesty.org/en/what-we-do/death-penalty/death-penalty-your-questions-answered/>

27 Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Là

Các nghiên cứu cho thấy, việc thi hành án tử hình có thể tốn kém ít nhất là gấp 18 lần so với việc thi hành án tù chung thân<sup>28</sup>. Ví dụ, có thể nhận thấy rằng, trong thời gian từ năm 1978 đến năm 2012, chính quyền bang California (Mỹ) đã tốn 4 tỷ đô la Mỹ cho việc thi hành án tử hình đối với 13 phạm nhân<sup>29</sup>.

Lý do cuối cùng, xuất phát từ góc độ đạo đức và dựa trên quan điểm cho rằng, vai trò quan trọng của Nhà nước là bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân chứ không phải là tước đoạt quyền sống của họ. Do vậy, Nhà nước không nên áp dụng hình phạt tử hình, thậm chí đối với những tội phạm nghiêm trọng<sup>30</sup>.

### 3. Pháp luật quốc tế về bãi bỏ hình phạt tử hình

Hình phạt tử hình là một nội dung liên quan trực tiếp đến hai quyền con người cơ bản là quyền sống và quyền được bảo vệ khỏi sự trừng phạt dã man, vô nhân đạo và hạ nhục<sup>31</sup>. Đây cũng là hai chuẩn mực cốt lõi về quyền con người được thừa nhận trong tập quán pháp và các điều ước quốc tế chủ yếu về quyền con người. Điều ước quốc tế đầu tiên có quy định về việc hạn chế áp dụng hình phạt tử hình là Công ước Geneva năm 1929, áp dụng cho đối tượng là tù nhân chiến tranh.

#### Bắt đầu từ khoảng đầu những năm 1960, khi mà hình phạt tử hình vẫn còn phổ biến

Khánh Tùng, Những điều cần biết về hình phạt tử hình, Nhà xuất bản Lao động, năm 2010, tr. 40

28 Trọng tâm về tử hình, 5 điều bí ẩn về Tử hình, xem tại: <https://deathpenalty.org/facts/5-myths-death-penalty/>

29 <https://deathpenaltyinfo.org/costs-new-study-reveals-california-has-spent-4-billion-death-penalty>

30 Nick Glipise, Tại sao cần xóa bỏ hình phạt tử hình, báo The Daily Piece, <https://www.thedailybeast.com/why-the-death-penalty-needs-to-die>

31 William A. Schabas, Luật quốc tế và sự bãi bỏ tử hình, 55 Wash. & Lee L. Rev. 797 (1998), <https://scholarlycommons.law.wlu.edu/wlulr/vol55/iss3/10>



ở nhiều quốc gia, thì quy định về hạn chế và bãi bỏ hình phạt tử hình đã bắt đầu từng bước được đưa vào các văn kiện quốc tế về quyền con người.

Hiện nay, có hai điều ước trực tiếp quy định việc áp dụng và bãi bỏ tử hình. Đó là:

- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, 1966 (Điều 6);
- Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1989. Hiện nay đây là điều ước quốc tế duy nhất về bãi bỏ hình phạt tử hình.

Ở cấp độ khu vực, một số điều ước về bãi bỏ hình phạt tử hình cũng đã được thông qua, bao gồm:

- Nghị định thư số 6 của Công ước Châu Âu về bảo vệ quyền con người và các tự do cơ bản liên quan đến bãi bỏ hình phạt tử hình;
- Nghị định thư số 13 của Công ước Châu Âu về quyền con người liên quan đến bãi bỏ hình phạt tử hình trong mọi hoàn cảnh;
- Nghị định thư của Công ước Châu Mỹ về quyền con người nhằm bãi bỏ hình phạt tử hình.

Ngoài những văn kiện mang tính ràng buộc này ra, từ năm 1977, Đại hội đồng LHQ và Hội đồng Kinh tế và Xã hội của LHQ, Ủy ban Quyền con người (sau này thay bằng Hội đồng quyền con người LHQ) và Tiểu ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người đã thông qua một loạt các nghị quyết thúc giục các quốc gia chấm dứt sử dụng hình phạt tử hình<sup>32</sup>.

ICCPR là công cụ quốc tế đầu tiên về quyền con người kêu gọi các quốc gia hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Tại thời điểm ICCPR được thông qua vào năm 1966,

trên thế giới mới chỉ có 10 quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình<sup>33</sup>. ICCPR không có điều khoản nào ngăn cản các quốc gia thành viên của Công ước này áp dụng hình phạt tử hình. Tuy nhiên, Điều 6 (1) của Công ước đã thừa nhận quyền sống là một quyền tối cao được pháp luật bảo vệ. Thêm vào đó, đối với các quốc gia vẫn còn duy trì hình phạt tử hình thì tại Điều 6 (2) của Công ước cũng quy định rõ các điều kiện cụ thể nhằm hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Các điều kiện này bao gồm:

- Hình phạt tử hình chỉ được áp dụng đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất.
- Hình phạt tử hình chỉ được thi hành trên cơ sở bản án công bằng do Tòa án có thẩm quyền tuyên.
- Không được phép áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.
- Không được phép thi hành án tử hình đối với phụ nữ đang mang thai.
- Người bị kết án tử hình có quyền xin ân giảm hoặc xin thay đổi mức hình phạt.
- Không được áp dụng hình phạt tử hình trong trường hợp các quyền theo ICCPR, bao gồm quyền được xét xử công bằng, bị vi phạm.

ngày 8/12/1977 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về hình phạt tử hình; (2) Nghị quyết số 1984/50 ngày 25/5/1984 của Hội đồng kinh tế và xã hội về việc thực hiện các bảo đảm nhằm bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với hình phạt tử hình; (3) Nghị quyết số 1989/64 ngày 24/5/1989 của Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hợp quốc về việc thực hiện các bảo đảm nhằm bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với hình phạt tử hình; (4) Nghị quyết số 1996/15 ngày 23/7/1996 của Hội đồng kinh tế và xã hội Liên hợp quốc về các bảo đảm nhằm bảo vệ quyền của những người phải đối mặt với hình phạt tử hình; (5) Nghị quyết số 2000/17 của Tiểu ban về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người về áp dụng hình phạt tử hình với người chưa thành niên phạm tội; (6) Nghị quyết số 2005/59 ngày 20/4/2005 của Ủy ban Quyền con người Liên hợp quốc về vấn đề tử hình; (7) Nghị quyết số 62/149 ngày 18/12/2007 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về việc tạm ngừng thi hành án tử hình; (8) Nghị quyết số 63/168 ngày 18/12/2008 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về việc tạm ngừng thi hành án tử hình; (9) Nghị quyết số 65/206 ngày 21/12/2010 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về đình chỉ thi hành án tử hình; (10) Nghị quyết số 67/176 ngày 20/12/2012 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về việc tạm ngừng thi hành án tử hình; (11) Nghị quyết số 69/186 ngày 18/12/2014 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về việc tạm ngừng thi hành án tử hình

33 Hội Luật gia quốc tế, Tử hình theo Luật quốc tế: Thông tin cơ bản về Nghị quyết IBAHRI về Bãi bỏ tử hình, 2008

Trong số các điều kiện nêu trên, có lẽ đáng chú ý nhất là điều kiện: “chỉ áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất” và điều kiện này thường được các quốc gia hiểu theo các cách khác nhau. Để giúp làm rõ khái niệm này, Ủy ban Quyền con người (cơ quan có nhiệm vụ giám sát việc thực thi ICCPR) đã thông qua các Bình luận chung (General comment) số 6, số 14 và số 36 để làm rõ thêm nội dung của quyền sống, bao gồm cả vấn đề liên quan đến hình phạt tử hình cũng như khái niệm “tội phạm nghiêm trọng nhất”. Trong các Bình luận chung này, Ủy ban Quyền con người cho rằng, ở những quốc gia chưa bãi bỏ hình phạt tử hình thì hình phạt này chỉ có thể áp dụng đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất, nhưng cần lưu ý rằng, việc áp dụng này phải tuân theo những điều kiện chặt chẽ. Theo Bình luận chung số 36 mà Ủy ban Quyền con người vừa thông qua vào tháng 5 năm 2018 thì khái niệm “tội phạm nghiêm trọng nhất phải được hiểu rất chặt chẽ và chỉ liên quan đến những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, bao gồm tội giết người có chủ đích”<sup>34</sup>.

Bình luận chung này, do vậy, khẳng định rằng, những tội phạm không trực tiếp và không cố ý gây ra cái chết như: giết người chưa đạt, tham nhũng, các tội phạm về kinh tế và chính trị, tội cướp có vũ khí, cướp biển, bắt cóc, các tội phạm về ma túy và tội phạm về tình dục, mặc dù có bản chất là nghiêm trọng nhưng không bao giờ có thể biện minh cho việc áp dụng hình phạt tử hình theo quy định của Điều 6<sup>35</sup>.

34 Bình luận chung số 36 (2018) về Điều 6 của Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự, về quyền được sống

35 Bình luận chung số 36 (2018) về Điều 6 của Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự, về quyền được sống

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH THƯ TÙY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR

Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình đã được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 15/12/1989 theo Nghị quyết số 44/128 và được mở để ký và phê chuẩn cho tất cả các quốc gia thành viên của ICCPR. Nghị định thư có hiệu lực vào ngày 11/7/1991 theo Điều 8 (1). Tính đến tháng 12/2018, Nghị định thư này có 86 quốc gia thành viên (Châu Âu: 41, Châu Á: 11), và một quốc gia đã ký nhưng chưa phê chuẩn (Angola ký năm 2013)<sup>36</sup>. Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình đã đánh dấu một cột mốc quan trọng của phong trào bãi bỏ hình phạt tử hình trên toàn thế giới. Ngoài Phần mở đầu, Nghị định thư này có 11 điều khoản cụ thể quy định về nội dung và thủ tục liên quan đến việc bãi bỏ hình phạt tử hình.

Phần giới thiệu của Nghị định thư nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bãi bỏ hình phạt tử hình trong việc nâng cao nhân phẩm và thúc đẩy sự phát triển tiến bộ các quyền con người. Điều 1 quy định việc nghiêm cấm hình phạt tử hình và yêu cầu các quốc gia thành viên phải có các biện pháp cần thiết để bãi bỏ hình phạt tử hình trong phạm vi quyền tài phán của mình. Điều 2 quy định rằng, Nghị định thư không cho phép bảo lưu, ngoại trừ bảo lưu được đưa ra tại thời điểm phê chuẩn hoặc gia nhập Nghị định thư liên quan đến việc áp dụng hình phạt tử hình trong thời gian chiến tranh theo một bản án về một tội phạm nghiêm trọng nhất có tính chất quân sự. Các Điều 3, 4 và 5 quy định về nghĩa vụ báo cáo và thủ tục khiếu

36 Eric Neumayer (2008) Bãi bỏ tử hình và Phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn thứ 2, Báo quốc tế về Quyền con người, 12:1, 3-21

32 Những nghị quyết này bao gồm: (1) Nghị quyết số 32/61

nại. Các điều từ Điều 6 đến Điều 11 đưa ra các quy định về các thủ tục có liên quan.

Ở cấp độ quốc tế, Nghị định thư đã góp phần vào xu hướng bãi bỏ hình phạt tử hình ngày càng tăng. Xu hướng này coi hình phạt tử hình là vi phạm quyền con

người, đặc biệt là quyền sống. Số lượng ngày càng tăng các quốc gia phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình sẽ dần dần thiết lập một nguyên tắc chung coi hình phạt tử hình là vi phạm quyền con người và theo thời gian, nó có thể phát triển thành một quy tắc của tập quán pháp quốc tế.

# PHẦN II

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA  
TRÊN THẾ GIỚI VỀ BÃI BỎ  
HÌNH PHẠT TỬ HÌNH





## KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

### I. BỐI CẢNH CHUNG

Kể từ khi quốc gia đầu tiên trên thế giới là Venezuela bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tất cả các tội phạm vào năm 1863 thì các ý kiến và quan điểm pháp lý quốc tế về vấn đề hình phạt tử hình đã tiến triển đáng kể. Trong vài thập kỷ gần đây, trung bình mỗi năm trên thế giới có khoảng 3 quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật, trên thực tế hoặc đối với các tội phạm thông thường. Nhờ đó, xu hướng chuyển đổi từ việc coi tử hình là một loại hình phạt thông thường sang việc bãi bỏ hình phạt tử hình, được thể hiện khá rõ nét ở phần lớn các quốc gia trên thế giới.

Châu Âu là châu lục đi đầu trong phong trào bãi bỏ hình phạt tử hình và quan điểm này đã trở thành một nguyên tắc quan trọng trong chính sách về quyền con người và ngoại giao của Liên minh Châu Âu. Trong Tuyên bố chung của Đại diện Cấp cao Liên minh châu Âu về Chính sách Đối ngoại và An ninh và Tổng thư ký của Hội đồng châu Âu vào Ngày châu Âu và Thế giới chống lại hình phạt tử hình, Hội đồng châu Âu và Liên minh châu Âu đã tái khẳng định sự phản đối mạnh mẽ và dứt khoát của mình đối với hình phạt tử hình trong mọi hoàn cảnh và mọi trường hợp. Đồng thời, nhấn mạnh rằng, việc bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật hoặc trên thực tế là một điều kiện tiên quyết cho tư cách thành viên của Hội đồng Châu Âu và việc cấm hoàn toàn hình phạt tử hình

trong mọi hoàn cảnh đã được nêu trong Hiến chương về các Quyền Căn bản của Liên minh châu Âu<sup>37</sup>.

Ở châu Phi, số lượng các quốc gia duy trì hình phạt tử hình còn rất ít, hơn 80% các quốc gia châu Phi đã bãi bỏ hình phạt tử hình, hiện chỉ còn 10 quốc gia vẫn còn duy trì hình phạt tử hình cả trong luật lẫn trên thực tế<sup>38</sup>. Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia ở châu Phi đã nhiều lần bày tỏ ý định bãi bỏ hình phạt tử hình hoặc bãi bỏ đạo luật về hình phạt tử hình.

Ở châu Mỹ cũng chỉ còn một số ít quốc gia vẫn còn áp dụng hình phạt tử hình, trong đó có Mỹ và một số quốc gia trong khu vực Ca-ri-be.

Châu Á là châu lục có nhiều quốc gia duy trì hình phạt tử hình nhất. Theo số liệu của Tổ chức Ân xá quốc tế, trong số 10 quốc gia đứng đầu về áp dụng hình phạt tử hình thì có tới 8 quốc gia nằm ở khu vực châu Á (Trung Quốc, Iran, Iraq, Pakistan, Ả-rập-xê-út, Yemen, Bắc Triều Tiên và Việt Nam). Điều đáng lưu ý là trong khi hình phạt tử hình đã được bãi bỏ ở nhiều quốc gia phát triển, thì nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ phát triển ở Châu Á vẫn còn duy trì hình phạt tử hình như Nhật Bản, Đài Loan và Singapore.

Trong các quốc gia ASEAN, có ba quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình, gồm: Cam-pu-chia, Đông Timor và Phi-líp-pin. Gần đây, vào tháng 10/2018, Chính phủ Malaysia đã tuyên bố rằng, quốc gia này dự

<sup>37</sup> Joint Declaration by the EU High Representative for Foreign Affairs and Security Policy and the Secretary General of the Council of Europe on the European and World Day against the Death Penalty (10/10/2017)

[www.eeas.europa.eu](http://www.eeas.europa.eu)

Source URL: [http://eueuropaeas.fpfis.slb.ec.europa.eu:8084/headquarters/headquarters-homepage/34435/node/34435\\_tr](http://eueuropaeas.fpfis.slb.ec.europa.eu:8084/headquarters/headquarters-homepage/34435/node/34435_tr)

<sup>38</sup> FIDH, Khởi động phong trào bãi bỏ tử hình ở Châu Phi: Một viễn cảnh ở Nam Phi, tháng 10 năm 2017

định bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tất cả các tội phạm. Brunei, Lào và Myanmar đã không thi hành án tử hình trên thực tế. Từ năm 2009, Thái Lan được xếp vào nhóm các quốc gia không thi hành án tử hình trên thực tế cho đến khi quốc gia này tiến hành vụ hành quyết đầu tiên sau gần mười năm không thi hành án tử hình trên thực tế vào tháng 6 năm 2018. Singapore cũng đã hạn chế số lượng vụ việc thi hành án tử hình hàng năm. Mặc dù Singapore đã thực hiện 9 vụ hành quyết năm 2018, nhưng quốc gia này đã không thực hiện một vụ hành quyết nào trong các năm 2010, 2012 và 2013<sup>39</sup>. Hiện nay, chỉ còn hai quốc gia trong khu vực là Indonesia và Việt Nam là chưa có kế hoạch rõ ràng về bãi bỏ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang theo đuổi con đường giảm số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình trong luật hình sự của mình.

Quá trình bãi bỏ hình phạt tử hình ở các quốc gia khá đa dạng và thường phụ thuộc vào bối cảnh và nền tảng chính trị, pháp lý, văn hoá, tôn giáo. Ở một số quốc gia, quá trình này phụ thuộc vào sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo, trong khi ở một số quốc gia khác thì sự cải tổ này lại nhờ vào sự ủng hộ và áp lực quốc tế. Ở một số quốc gia, các bước tiến tới việc bãi bỏ hình phạt tử hình được đề xướng và thúc đẩy bởi các phong trào xã hội hoặc sáng kiến của công dân. Do các quốc gia đã thực hiện nhiều cách thức khác nhau để tiến tới bãi bỏ hình phạt tử hình, nên thế giới không có một mô hình hay lộ trình chung thống nhất để các quốc gia áp dụng.

Phần dưới đây của Báo cáo cung cấp thông tin về kinh nghiệm bãi bỏ hình phạt

<sup>39</sup> Trung tâm Conell Centre về Tử hình trên toàn thế giới, Dữ liệu về tử hình - Singapore, <https://www.deathpenaltyworldwide.org/country-search-post.cfm?country=Singapore>

tử hình của một số quốc gia trên thế giới, bao gồm: (1) các quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình và phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình; (2) các quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình nhưng chưa phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình; và (3) các quốc gia chưa phải là thành viên của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình nhưng đã không còn áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế.

### II. CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CỦA NGHỊ ĐỊNH THƯ TÙY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR

#### Cộng hoà nhân dân Benin

Benin đã trở thành thành viên của ICCPR và CAT từ năm 1992 và của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình từ năm 2012.

Các vụ hành quyết cuối cùng được thực hiện ở Benin vào năm 1987 đối với hai tên tội phạm bị kết án tử hình về tội giết người. Kể từ đó, Benin không còn thi hành án tử hình nữa và trở thành quốc gia đã bãi bỏ tử hình trên thực tế trước khi gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Bản án tử hình cuối cùng được tuyên ở Benin vào năm 2010, nhưng nó không bao giờ được thi hành. Quá trình bãi bỏ tử hình ở quốc gia này diễn ra khá chậm chạp do những lo ngại về sự gia tăng tội phạm và sự không hiệu quả của hệ thống tư pháp cũng như lo ngại rằng, nếu Benin bãi bỏ hình phạt tử hình thì quốc gia này có thể trở thành điểm đến cho bọn tội phạm từ các quốc gia khác trong khu vực.

Bước ngoặt đánh dấu việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở Benin bắt đầu từ năm 2000, khi các nhà lãnh đạo, các nghị sĩ Quốc hội và nhiều nhóm xã hội thể hiện sự ủng hộ

bãi bỏ hình phạt tử hình. Thời gian này đã có khá nhiều chiến dịch vận động bãi bỏ hình phạt tử hình dưới nhiều hình thức khác nhau: hội thảo, kiến nghị, báo cáo các cơ quan của LHQ cũng như các chiến dịch truyền thông, v.v.<sup>40</sup> Đáng lưu ý là trong bối cảnh này, Benin đã huy động được sự ủng hộ của các nghị sĩ Quốc hội trong việc vận động phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Quốc gia này cũng đã thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ đối với phong trào bãi bỏ hình phạt tử hình trên toàn thế giới, đặc biệt là dưới sự bảo trợ của LHQ, thúc đẩy các quốc gia chấm dứt việc áp dụng hình phạt tử hình. Cụ thể, năm 2007 quốc gia này đã bỏ phiếu ủng hộ Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ về tạm ngừng hình phạt tử hình trên toàn thế giới, đồng thời là quốc gia đồng tài trợ cho sự ra đời của các Nghị quyết về vấn đề này vào các năm 2008 và 2014.

Đến năm 2011, Chính phủ Benin đã trình dự án luật đề nghị Quốc hội xem xét phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Mặc dù gặp một số ý kiến phản đối với lý do cần phải tiếp tục duy trì hình phạt tử hình vì tỷ lệ tội phạm của quốc gia này còn cao và hình phạt tử chung thân không đủ tính răn đe nhưng cuối cùng đạo luật này cũng đã được thông qua. Do vậy, Benin đã hoàn thành các thủ tục phê chuẩn và trở thành quốc gia thành viên của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào ngày 5/7/2012.

Hiện nay, Benin đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật trong nước nhằm bãi bỏ hình phạt tử hình trong toàn bộ các văn bản pháp luật, bao gồm cả luật hình sự. Có thể nói, quá trình bãi bỏ hình phạt tử hình của Benin diễn ra

40 Xem <https://www.deathpenaltyworldwide.org/pdf/Pathways%20to%20Abolition%20Death%20Penalty%20Worldwide%202016-06%20FINAL.pdf>

khá thuận lợi như một phần của phong trào bãi bỏ hình phạt tử hình đang lan rộng. Bài học nổi bật nhất được rút ra từ kinh nghiệm của quốc gia này chính là tầm quan trọng của việc có được sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo, đặc biệt là Tổng thống trong quá trình cải cách. Ngoài ra, không có bằng chứng nào cho thấy tỷ lệ tội phạm ở đây tăng sau khi bãi bỏ hình phạt tử hình.

### Cộng hòa dân chủ liên bang Nepal

Nepal là quốc gia thành viên của ICCPR từ năm 1991 và phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào năm 1998. Nepal là một trong những quốc gia đầu tiên hạn chế việc sử dụng hình phạt tử hình ngay từ những năm 1930. Năm 1931, tại cuộc thảo luận với các nhà luật học và các lãnh tụ tôn giáo, Thủ tướng Nepal đã đưa ra vấn đề về khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình. Tại thời điểm này, ông đã yêu cầu ngành tư pháp tiến hành thử nghiệm thay thế hình phạt tử hình bằng tù chung thân. Đến năm 1946, hình phạt tử hình đã được bãi bỏ trong một đạo luật chung có tên là Muluki Ain<sup>41</sup>. Trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 1970, quốc gia này chỉ thực hiện 3 vụ hành quyết. Tuy nhiên, hình phạt tử hình vẫn tiếp tục được duy trì trong Luật quân sự (Army Act) năm 1959 và Luật về Tội phản quốc (Treason Act), vì vậy, hình phạt tử hình vẫn được áp dụng đối với một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trong lĩnh vực chính trị và quân sự. Bản án tử hình cuối cùng được thi hành ở Nepal là vào năm 1979 vì tội ám sát nhà vua.

Tuy nhiên, đến những năm 1980, do những biến động về chính trị nên Nepal

41 Xem: <https://www.deathpenaltyworldwide.org/pdf/Pathways%20to%20Abolition%20Death%20Penalty%20Worldwide%202016-06%20FINAL.pdf>

đã áp dụng trở lại hình phạt tử hình đối với tội giết người mà không đưa ra tòa án xét xử, các tội bắt cóc, không tặc, tra tấn, sử dụng vũ khí bừa bãi và khủng bố. Luật về các dịch vụ đặc biệt (Special Services Act) năm 1985 quy định việc tiết lộ và sử dụng không đúng tin mật trong ngành tình báo là một tội phạm mà cũng có thể dẫn đến việc áp dụng hình phạt tử hình<sup>42</sup>.

Nepal chính thức bãi bỏ hình phạt tử hình thông qua lần sửa đổi Hiến pháp năm 1990, có hiệu lực vào năm 1991. Khoản 1 Điều 12 Hiến pháp năm 1990 của Nepal nêu rõ: “Không ai có thể bị tước đoạt tự do của cá nhân được quy định trong luật và không một đạo luật nào được phép quy định hình phạt tử hình”. Nhờ đó, các đạo luật có liên quan đã được sửa đổi để bãi bỏ hình phạt tử hình. Các bản hiến pháp sau này là Hiến pháp lâm thời năm 2007 và Hiến pháp năm 2015 đều có quy định về bãi bỏ hình phạt tử hình. Trong Hiến pháp hiện hành năm 2015, việc bãi bỏ hình phạt tử hình được quy định tại khoản 2 Điều 16 về quyền sống, theo đó “Không một đạo luật nào được quy định hình phạt tử hình đối với bất kỳ ai”. Nepal đã phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào năm 1998, tương đồng với các quy định pháp luật trong nước.

### Cộng hoà Phi-líp-pin

Phi-líp-pin đã trở thành thành viên của ICCPR từ năm 1986 và thành viên của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình từ năm 2007.

Quá trình bãi bỏ hình phạt tử hình ở Phi-líp-pin diễn ra tương đối phức tạp. Quốc gia này duy trì hình phạt tử hình ngay từ

42 Xem: <https://www.deathpenaltyworldwide.org/pdf/Pathways%20to%20Abolition%20Death%20Penalty%20Worldwide%202016-06%20FINAL.pdf>

thời còn là thuộc địa của Tây Ban Nha và sau đó là thuộc địa của Mỹ và tiếp tục duy trì hình phạt này sau khi giành được độc lập vào năm 1946. Với sự phát triển của hệ thống luật pháp Phi-líp-pin, đặc biệt là dưới thời lãnh đạo của Tổng thống Ferdinand Marcos (1965 - 1986), việc sử dụng hình phạt tử hình đã được mở rộng, áp dụng cho cả tội buôn bán trái phép chất ma túy.

Đến năm 1987, Hiến pháp Phi-líp-pin đã bãi bỏ hình phạt tử hình, mặc dù vẫn duy trì điều khoản cho phép áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội phạm cực kỳ tàn ác đã đưa Phi-líp-pin trở thành quốc gia đầu tiên ở châu Á bãi bỏ hình phạt tử hình. Đến năm 1999, hình phạt tử hình đã được khôi phục lại và duy trì cho đến năm 2006, khi mà Tổng thống thông qua Đạo luật số 9346 về bãi bỏ hình phạt tử hình. Chính phủ Phi-líp-pin đã phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào năm 2007.

Tuy nhiên, đến năm 2016, Tổng thống Rodrigo Duterte đã đưa ra lời hứa rằng, ông sẵn sàng khôi phục lại hình phạt tử hình để giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh chống tội phạm. Tiếp theo lời hứa này, dự luật về sử dụng hình phạt tử hình đối với một số tội phạm về ma túy đã được Hạ viện thông qua vào tháng 2/2017. Hiện nay, dự luật này đang chờ sự thông qua của Thượng viện. Như vậy, có khả năng Phi-líp-pin sẽ khôi phục lại hình phạt tử hình. Điều này được Tổng thống ủng hộ và một cuộc thăm dò ý kiến của người dân về vấn đề khôi phục lại tử hình cho thấy, có tới hơn 67% người dân Phi-líp-pin ủng hộ hình phạt tử hình<sup>43</sup>.

43 Pulse Asia: Hầu hết người dân Phi-líp-pin vẫn ủng hộ hình phạt tử hình, <https://newsinfo.inquirer.net/894552/pulse-asia-most-filipinos-still-support-death-penalty#ixzz5ZKZ3dZJA>

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, theo Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình thì quốc gia thành viên không được phép rút lui sau khi phê chuẩn hay gia nhập Nghị định thư này. Vì vậy, nếu Phi-líp-pin khôi phục lại hình phạt tử hình thì quốc gia này đã vi phạm nghĩa vụ pháp lý của mình theo Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Ngay sau khi Hạ viện Phi-líp-pin thông qua kế hoạch khôi phục lại hình phạt tử hình, Cao Ủy LHQ về quyền con người, ông Zeid Ra'ad Al Hussein đã gửi thư ngỏ cho Người phát ngôn của Hạ viện và Chủ tịch Thượng viện Phi-líp-pin với nội dung nhấn mạnh rằng: “Luật quốc tế không cho phép một quốc gia đã phê chuẩn hay gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình được bãi ước hoặc rút lui”<sup>44</sup>. Tương tự như vậy, Đặc phái viên của LHQ về thi hành án tử hình tùy tiện, chiếu lệ và không qua xét xử và Đặc phái viên của LHQ về tra tấn và các hình thức trừng phạt, đối xử vô nhân đạo hạ nhục khác đều bày tỏ quan ngại về việc khôi phục lại hình phạt tử hình sẽ vi phạm pháp luật quốc tế.

### III. CÁC QUỐC GIA ĐÃ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH NHƯNG CHƯA PHÊ CHUẨN NGHỊ ĐỊNH THƯ TÙY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR

#### Cộng hòa Fiji

Ở Fiji, các biện pháp nhằm hạn chế việc sử dụng hình phạt tử hình đã được thực hiện ngay từ trước khi quốc gia này giành được độc lập khỏi chế độ thực dân vào năm 1970. Án tử hình cuối cùng được thi hành vào năm 1965 và đến năm 1979, Fiji đã bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật đối với các tội phạm thông thường. Tuy nhiên, hình

<sup>44</sup> Xem: <https://globalnation.inquirer.net/150445/un-ph-will-violate-intl-pact-restores-death-penalty>

phạt tử hình vẫn được duy trì đối với một số tội phạm như: diệt chủng, phản bội Tổ quốc và các tội phạm quân sự.

Năm 2002, một Tòa án ở Fiji đã tuyên án tử hình đối với một bị cáo về tội phản bội Tổ quốc. Bản án tử hình này đã gây ra nhiều tranh cãi và không được công chúng ủng hộ, thậm chí nó còn gây ra sự mất ổn định chính trị. Vì vậy, ngay sau đó, Chính phủ và các nhà lập pháp đã quyết định sửa đổi luật để bãi bỏ hình phạt tử hình đối với tất cả các tội phạm thông thường, bao gồm cả tội phản bội Tổ quốc và tội diệt chủng. Hình phạt tử hình được duy trì chỉ đối với những tội phạm vi phạm luật quân sự trong thời chiến.

Trong các lần bảo vệ Báo cáo UPR vào năm 2010 và năm 2014, Fiji vẫn bị nằm trong danh sách các quốc gia vẫn còn duy trì hình phạt tử hình trong luật, vì vậy, quốc gia này đã nhận được các khuyến nghị của các thành viên Hội đồng Quyền con người về việc bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật quân sự và phê chuẩn ICCPR và Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Trong lần bảo vệ Báo cáo UPR lần 2 vào năm 2014, Tổng Chương lý của quốc gia này đã hứa là sẽ bãi bỏ hình phạt tử hình. Do đó, Fiji đã tiến hành cải cách hệ thống pháp luật và tuyên bố sửa đổi luật quân sự để bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình vào năm 2015. Ngay sau đó quốc gia này cũng đã bỏ phiếu ủng hộ các Nghị quyết của LHQ về tạm ngừng hình phạt tử hình trên toàn thế giới. Fiji đã phê chuẩn ICCPR vào năm 2018 nhưng vẫn chưa gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

Việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở Fiji có thuận lợi là được kế thừa thực tiễn không thi hành án tử hình từ thời kỳ thuộc địa. Đồng thời, quốc gia này cũng không gặp

phải sự phản đối của công chúng đối với việc bãi bỏ hình phạt tử hình. Mặc dù vậy, cũng cần lưu ý rằng, việc bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật chỉ được thực hiện sau khi Fiji nhận được các khuyến nghị về vấn đề này của Hội đồng Quyền con người thông qua các chu kỳ UPR. Từ khía cạnh này, Fiji là một ví dụ điển hình về tác động của cơ chế quyền con người quốc tế đối với việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở các quốc gia thành viên.

### IV. CÁC QUỐC GIA ĐÃ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH TRÊN THỰC TẾ

#### Hàn Quốc

Hàn Quốc vẫn duy trì hình phạt tử hình trong luật nhưng đã không thi hành một án tử hình nào từ năm 1997 và vì vậy, Hàn Quốc được xếp vào nhóm các quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình trên thực tế. Tuy nhiên, trong năm 2017, quốc gia này vẫn có 61 người bị kết án tử hình<sup>45</sup>.

Trong lịch sử của Hàn Quốc, hình phạt tử hình đã được áp dụng từ Triều đại Joseon nhằm mục đích ngăn ngừa tội phạm. Hình phạt tử hình tiếp tục được duy trì trong hệ thống pháp luật của Hàn Quốc, bao gồm Luật hình sự và Luật quân sự cũng như những quy định liên quan đến những người phạm các tội về tình dục, các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phạm về ma túy<sup>46</sup>. Luật hình sự sửa đổi mới nhất của Hàn Quốc năm 2013 vẫn quy định hình phạt tử hình đối với một số tội phạm, bao gồm các tội về gây bạo loạn, thông đồng với những kẻ gây bạo loạn nước ngoài, giết người và cướp của<sup>47</sup>. Tuy

<sup>45</sup> Xem: <http://www.deathpenaltyworldwide.org/country-search-post.cfm?country=South+Korea>

<sup>46</sup> Xem: <http://www.deathpenaltyworldwide.org/country-search-post.cfm?country=South+Korea>

<sup>47</sup> Đạo luật hình sự của Hàn Quốc năm 2013

nhien, hình phạt tử hình không áp dụng đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai và người bị bệnh tâm thần.

Ở cấp độ quốc gia, Hàn Quốc đã có một số sáng kiến nhằm bãi bỏ hình phạt tử hình, như dự luật về bãi bỏ hình phạt tử hình đã được soạn thảo và trình Quốc hội lần đầu tiên vào năm 1999, nhưng vẫn chưa được thông qua<sup>48</sup>. Ngoài ra, năm 2005, Ủy ban quyền con người của Hàn Quốc đã đề xuất bãi bỏ hình phạt tử hình<sup>49</sup>.

Ở cấp độ quốc tế, Hàn Quốc thường bỏ phiếu trắng đối với các Nghị quyết của LHQ về bãi bỏ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, trong báo cáo UPR năm 2012, Hàn Quốc đã bày tỏ thiện chí phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Mặc dù vậy, Chính phủ Hàn Quốc vẫn chưa hoàn toàn nhất trí với khuyến nghị của UPR về việc bãi bỏ hình phạt tử hình ngay lập tức. Chính phủ quốc gia này lập luận rằng, cũng cần phải tính đến các yếu tố như dư luận công chúng, nhận thức pháp luật cũng như thực tiễn xã hội và chính trị<sup>50</sup>.

### V. KHUYẾN NGHỊ TỪ CÁC CƠ CHẾ LIÊN HỢP QUỐC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI VIỆC BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH Ở VIỆT NAM

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam tham gia ngày càng nhiều hơn vào các diễn đàn và cơ chế quốc tế về quyền con người. Trong khuôn khổ LHQ, Việt

<sup>48</sup> BYUNG-SUN CHO, Thay đổi chính sách tử hình của Hàn Quốc: Con đường từ thực tế đến bãi bỏ chính thức, Trừng phạt và xã hội 10(2), 171–205

<sup>49</sup> David Johnson & Franklin Zimring, Biên giới tiếp theo, tr. 148, Oxford University Press, 2009, Cho Kuk, “Tử hình ở Hàn Quốc: Từ tạm ngừng không chính thức đến bãi bỏ?” tr. 2, Asian Journal of Comparative Law 3(1), 2008

<sup>50</sup> U.N.G.A., Human Rights Council, Report of the Working Group on the Universal Periodic Review: Republic of Korea - Addendum, para. 6, U.N. Doc. A/HRC/22/10/Add.1, Jan. 16, 2013

Nam đã có sự tương tác quan trọng với cả các cơ chế dựa trên Hiến chương LHQ lẫn các cơ chế dựa trên điều ước về quyền con người. Theo cơ chế của Hội đồng Quyền con người, Việt Nam đã nộp các Báo cáo quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam và tham gia đối thoại tại ba chu kỳ UPR vào các năm 2009, 2014 và 2019.

Trong lần thực hiện Báo cáo UPR lần thứ nhất, Việt Nam nhận được 93 khuyến nghị, trong đó có 8 khuyến nghị liên quan đến hình phạt tử hình. Việt Nam đã tiếp nhận 3 khuyến nghị trong 8 khuyến nghị này, bao gồm sửa đổi luật về hình phạt tử hình<sup>51</sup>, giảm số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình<sup>52</sup> và hạn chế việc thi hành án tử hình<sup>53</sup>.

Trong số 227 khuyến nghị mà Việt Nam nhận được trong lần Báo cáo UPR chu kỳ II vào năm 2014, có 29 khuyến nghị liên quan đến hình phạt tử hình, trong đó có 6 khuyến nghị kêu gọi Việt Nam phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Hội đồng Quyền con người cũng khuyến nghị Việt Nam hạn chế hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng hình phạt này đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất và áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình với ý định là sẽ bãi bỏ hình phạt tử hình. Các quốc gia thành viên của Hội đồng cũng khuyến nghị Việt Nam có biện pháp để công bố các số liệu về việc áp dụng hình phạt tử hình. Việt Nam đã tiếp nhận những khuyến nghị về việc tiếp tục giảm số lượng các tội danh có quy định

51 Khuyến nghị số 32: Xem lại quy định về tử hình và lưu ý đến các tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này, đặc biệt là vấn đề minh bạch (Thụy Sĩ)

52 Khuyến nghị số 33, Giảm số lượng tội phạm chịu hình phạt tử hình (Đức)

53 Khuyến nghị số 33: Hoàn thành mục tiêu của Chính phủ trong việc hạn chế sử dụng tử hình bằng cách giảm các loại hình tội phạm chịu hình phạt tử hình (Na Uy)

hình phạt tử hình và tiến đến việc tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ hình phạt tử hình<sup>54</sup>.

Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện các khuyến nghị Việt Nam chấp thuận theo cơ chế của UPR, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho 18 cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp khác. Đối với các khuyến nghị liên quan đến việc thông qua và sửa đổi luật pháp, Việt Nam đã xem xét kỹ các khuyến nghị này cùng với việc tham vấn một loạt các cơ quan nhà nước và người dân. Trong quá trình sửa đổi BLHS, những quy định liên quan đến việc giảm áp dụng hình phạt tử hình đã được đưa ra lấy ý kiến công chúng và nhận được sự ủng hộ rộng rãi của công chúng. Những sửa đổi này đã được đệ trình lên Quốc hội và được Quốc hội thông qua (xem thêm chi tiết tại phần III.1 của bản Báo cáo này).

Tại Phiên đối thoại UPR chu kỳ III năm 2019, Việt Nam nhận được 291 khuyến nghị từ 118 quốc gia. Trong số các khuyến nghị này, có 9 khuyến nghị từ 20 quốc gia về vấn đề hình phạt tử hình<sup>55</sup>.

Việt Nam cũng là thành viên của hai điều ước quốc tế trực tiếp liên quan đến hình phạt tử hình là ICCPR và CAT. Theo các điều ước này, một trong những vấn đề mà Việt Nam nhận được các khuyến nghị nhiều nhất là hình phạt tử hình, bao gồm cả các khuyến nghị về việc phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình, các khuyến nghị về giảm việc sử dụng hình phạt tử hình trong luật, áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ hình phạt tử hình.

54 Khuyến nghị số 143.89 (Bi), 143.90 (Namibia), 143.92 (Thụy Sĩ), 143.94 (Ý) and 143.95 (New Zealand)

55 Xem: United Nations Human rights Council, Universal Periodic Review - Viet Nam: <https://www.ohchr.org/EN/HRBod->

Trong bản khuyến nghị kết luận về Báo cáo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam năm 2002 về việc thực hiện ICCPR, Ủy ban Quyền con người cũng bày tỏ quan ngại về số lượng lớn án tử hình và việc áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội phạm mà không được Ủy ban coi là những tội nghiêm trọng nhất. Do đó, Ủy ban đã kêu gọi Việt Nam giảm và hạn chế số lượng các tội danh có thể phải chịu hình phạt tử hình và chỉ áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội được coi là những tội nghiêm trọng nhất được quy định tại Điều 6 (2) và hướng đến mục tiêu dần bãi bỏ hình phạt tử hình<sup>56</sup>. Vấn đề này cũng đã được nhắc lại trong bản khuyến nghị kết luận về Báo cáo quốc gia lần thứ ba của Việt Nam năm 2019 về việc thực hiện ICCPR cùng với các khuyến nghị về việc xem xét tạm ngừng áp dụng hình phạt tử hình và phê chuẩn hoặc gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình và công bố các số liệu chính thức về án tử hình.

[ies/UPR/Pages/VNindex.aspx](https://www.ohchr.org/EN/HRBod-ies/UPR/Pages/VNindex.aspx)

56 Ủy ban Quyền con người, Hội nghị lần thứ 75, những kết luận của Ủy ban Quyền con người về báo cáo lần hai của Việt Nam, ngày 2/8/2002, xem tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CCPR/CO/75/VNM&Lang=En](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CCPR/CO/75/VNM&Lang=En)

Tháng 11/2018, sau khi xem xét Báo cáo đầu tiên của Việt Nam về thực hiện Công ước Chống tra tấn, Ủy ban Chống tra tấn kêu gọi Việt Nam thiết lập một hệ thống thu thập dữ liệu thống kê việc áp dụng án tử hình, bao gồm số lượng những người phạm tội đã bị kết án tử hình. Đồng thời Ủy ban cũng kêu gọi Chính phủ Việt Nam “thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đưa ra các điều kiện vật chất của việc giam giữ những người bị kết án tử hình tương đương với điều kiện vật chất của việc giam giữ những phạm nhân khác, phù hợp với các Quy tắc Nelson Mandela, bao gồm cả quyền được sử dụng các loại thực phẩm và đồ uống thích hợp và có các cuộc giao tiếp xã hội có ý nghĩa mà không chịu bất cứ sự hạn chế nào, và để bảo vệ họ không bị xâm phạm về mặt thể chất”<sup>57</sup>. Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng một Kế hoạch tổng thể để thực thi những khuyến nghị này.

57 Ủy ban Chống Tra tấn, những kết luận về báo cáo sơ khởi của Việt Nam, xem tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CAT/C/VNM/CO/1&Lang=En](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CAT/C/VNM/CO/1&Lang=En)



# PHẦN III

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ  
KHẢ NĂNG CỦA VIỆT NAM GIA NHẬP NGHỊ ĐỊNH THƯ TÙY CHỌN  
THỨ HAI VỀ BÀI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR





## PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ KHẢ NĂNG CỦA VIỆT NAM GIA NHẬP NGHỊ ĐỊNH THƯ TỰY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR

### I. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

#### 1. Quy định của BLHS về hình phạt tử hình

Tính từ khi BLHS đầu tiên được ban hành năm 1985 đến nay, BLHS đã được sửa đổi, bổ sung 08 lần (vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997, 1999, 2009, 2015 và 2017), trong đó có 02 lần sửa đổi cơ bản, toàn diện là vào năm 1999 và năm 2015. Qua các lần sửa đổi, bổ sung BLHS, quy định về hình phạt tử hình từng bước được hoàn thiện theo hướng hạn chế dần khả năng áp dụng hình phạt tử hình. Cụ thể:

##### 1.1. Quy định của BLHS về áp dụng hình phạt tử hình

###### 1.1.1. Tính chất và phạm vi áp dụng hình phạt tử hình

BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992 và 1997) (sau đây gọi chung là BLHS năm 1985), BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây gọi chung là BLHS năm 1999) và BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi chung là BLHS năm 2015) đều khẳng định tử hình là hình phạt đặc biệt và chỉ được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt nhất định. Qua các lần sửa đổi,

bổ sung BLHS, tiêu chí về nhóm tội phạm có thể bị áp dụng hình phạt tử hình được xác định rõ ràng hơn. Cụ thể:

- BLHS năm 1985 quy định tử hình được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng (Điều 27).
- Theo Điều 35 của BLHS năm 1999 thì tử hình chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng (tức là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội).
- Điều 40 của BLHS năm 2015 kế thừa quy định nêu trên tại Điều 35 của BLHS năm 1999, đồng thời, chỉ rõ hơn các nhóm tội phạm cụ thể có thể áp dụng hình phạt tử hình, bao gồm:

- Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- Các tội phạm về ma túy;
- Các tội phạm tham nhũng;
- Một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do BLHS quy định (đó là các tội: sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; khủng bố; phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược; chống loài người; tội phạm chiến tranh).

###### 1.1.2. Đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình

Cả ba BLHS (1985, 1999 và 2015) đều quy định rõ các đối tượng phạm tội không bị áp dụng hình phạt tử hình. Diện các đối tượng này ngày càng được mở rộng qua các Bộ luật. Cụ thể:

- Theo Điều 27 của BLHS năm 1985 thì tử hình không áp dụng đối với: (1) người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội; (2) phụ nữ có thai; (3) phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
- Điều 35 của BLHS năm 1999 kế thừa 03 đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình đã được BLHS năm 1985 quy định. Tuy nhiên, có những sửa đổi, bổ sung mới,

theo đó, tử hình không áp dụng đối với: (1) người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội; (2) phụ nữ có thai khi phạm tội hoặc khi bị xét xử; (3) phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử.

- Điều 40 của BLHS năm 2015 tiếp tục kế thừa 03 đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình đã được BLHS năm 1999 quy định, đồng thời, bổ sung thêm một đối tượng là: “Người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử”.

###### 1.1.3. Số lượng các tội danh trong BLHS có quy định hình phạt tử hình

Số lượng các tội danh cụ thể có quy định hình phạt tử hình được thay đổi qua các lần sửa đổi, bổ sung BLHS (Xin xem cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Báo cáo). Cụ thể:

Một là, BLHS năm 1985 quy định hình phạt tử hình đối với 29/195 tội danh được quy định trong BLHS, trong đó có:

- 13 tội danh thuộc Chương 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- 02 tội danh thuộc Chương 2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- 04 tội danh thuộc Chương 4. Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa;
- 01 tội danh thuộc Chương 6. Các tội xâm phạm sở hữu của công dân;
- 01 tội danh thuộc Chương 7. Các tội phạm về kinh tế;
- 04 tội danh thuộc Chương 11. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân;
- 04 tội danh thuộc Chương 12. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Hai là, BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung năm 1989, 1991, 1992 và 1997) quy định hình phạt tử hình đối với 44/218 tội danh

được quy định trong BLHS, trong đó có:

- 14 tội danh thuộc Chương 1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- 03 tội danh thuộc Chương 2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- 06 tội danh thuộc Chương 4. Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa;
- 03 tội danh thuộc Chương 6. Các tội xâm phạm sở hữu của công dân;
- 01 tội danh thuộc Chương 7. Các tội phạm về kinh tế;
- 07 tội danh thuộc Chương 7A. Các tội phạm về ma túy;
- 02 tội danh thuộc Chương 9. Các tội phạm về chức vụ;
- 04 tội danh thuộc Chương 11. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân;
- 04 tội danh thuộc Chương 12. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Ba là, BLHS năm 1999 quy định hình phạt tử hình đối với 29/263 tội danh được quy định trong BLHS, trong đó có:

- 07 tội danh thuộc Chương XI. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- 03 tội danh thuộc Chương XII. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- 02 tội danh thuộc Chương XIV. Các tội xâm phạm sở hữu;
- 03 tội danh thuộc Chương XVI. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế;
- 03 tội danh thuộc Chương XVIII. Các tội phạm về ma túy;
- 02 tội danh thuộc Chương XIX. Các tội xâm phạm an toàn cộng đồng, trật tự công cộng;
- 03 tội danh thuộc Chương XXI. Các tội phạm về chức vụ;
- 03 tội danh thuộc Chương XXIII. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân;
- 03 tội danh thuộc Chương XXIV. Các tội



phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Bốn là, BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định hình phạt tử hình đối với 22/272 tội danh được quy định trong BLHS, trong đó có:

- 07 tội danh thuộc Chương XI. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- 02 tội danh thuộc Chương XII. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- 01 tội danh thuộc Chương XIV. Các tội xâm phạm sở hữu;
- 01 tội danh thuộc Chương XVI. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế;
- 02 tội danh thuộc Chương XVIII. Các tội phạm về ma túy;
- 02 tội danh thuộc Chương XIX. Các tội xâm phạm an toàn cộng đồng, trật tự công cộng;
- 02 tội danh thuộc Chương XXI. Các tội phạm về chức vụ;
- 02 tội danh thuộc Chương XXIII. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân;
- 03 tội danh thuộc Chương XXIV. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Năm là, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt tử hình đối với 18/314 tội danh được quy định trong BLHS, trong đó có:

- 06 tội danh thuộc Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- 02 tội danh thuộc Chương XIV. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người;
- 01 tội danh thuộc Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế;
- 03 tội danh thuộc Chương XX. Các tội phạm về ma túy;
- 01 tội danh thuộc Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng;

- 02 tội danh thuộc Chương XXIII. Các tội phạm tham nhũng;
- 03 tội danh thuộc Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

Như vậy, theo BLHS năm 2015 thì tử hình đã được loại bỏ hoàn toàn đối với hai nhóm tội mà BLHS năm 1999 vẫn còn có quy định hình phạt này. Đó là: các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân.

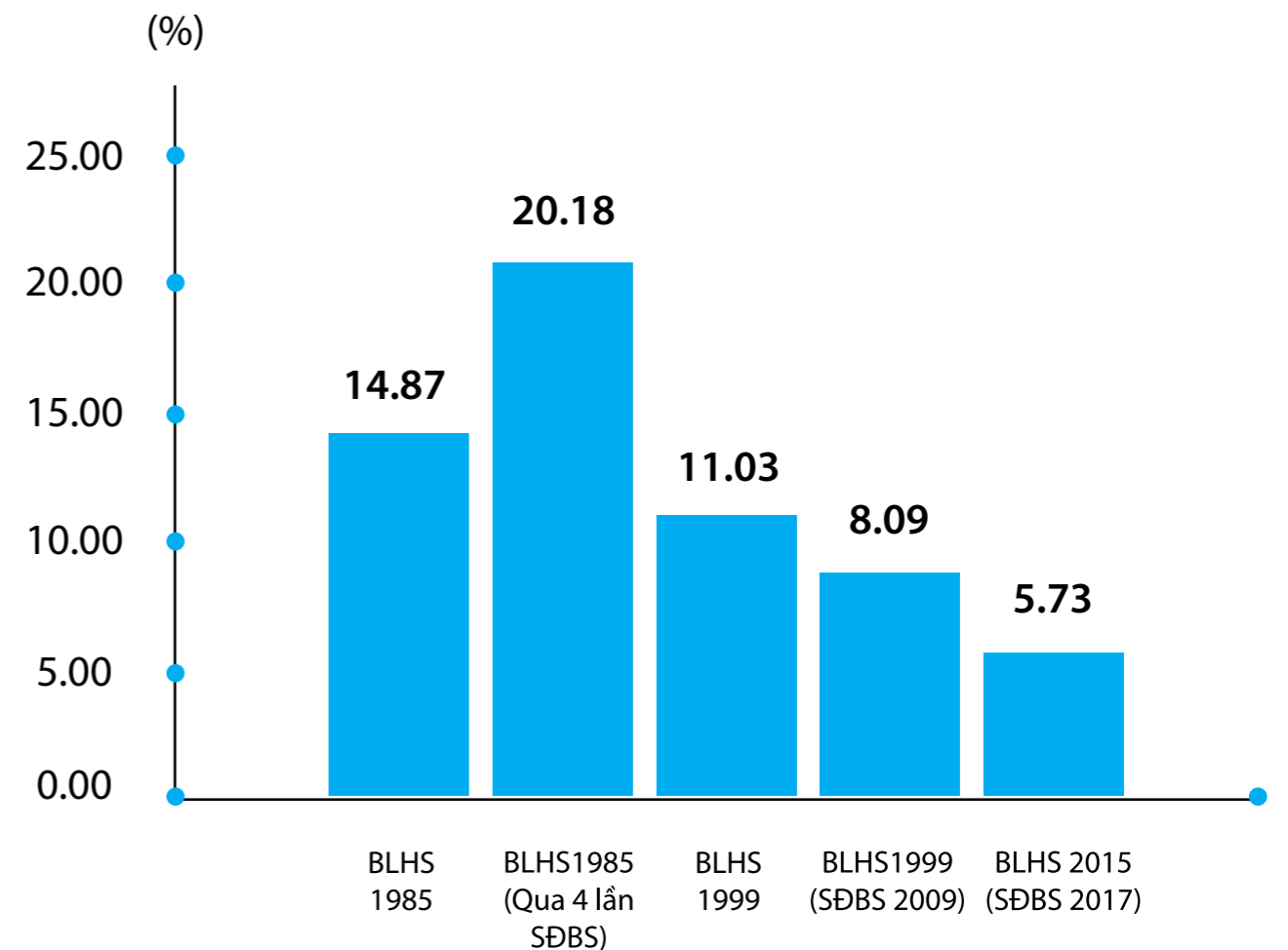
Xét trong mối tương quan giữa số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình và tổng số các tội danh được quy định trong BLHS thì thấy rằng, tổng số các tội danh được quy định trong BLHS ngày càng tăng qua các lần sửa đổi, bổ sung, còn số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình thì đi theo hướng ngược lại, chủ yếu là giảm dần qua các lần sửa đổi, bổ sung BLHS.

Từ sự phân tích trên đây có thể mô phỏng diễn biến số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình qua các BLHS dưới dạng biểu bảng và biểu đồ như sau:

Biểu bảng: Mô tả diễn biến số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình qua các BLHS (Trong mối tương quan với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS)

	BLHS năm 1985	BLHS năm 1985 (sửa đổi, bổ sung 1989, 1991, 1992, và 1997)	BLHS năm 1999	BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009)	BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)
Số lượng tội danh có quy định hình phạt tử hình	29	44	29	22	18
Tổng số các tội danh được quy định trong BLHS	195	218	263	272	314

Biểu đồ: Mô tả diễn biến số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình qua các BLHS (dưới dạng tỷ lệ % và so với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS)



Qua các số liệu nêu trên có thể nhận thấy, số lượng các tội danh trong BLHS có quy định hình phạt tử hình lúc tăng, lúc giảm. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thì thấy rằng, số lượng các tội danh này có xu hướng giảm dần qua các lần sửa đổi, bổ sung BLHS. Điều này có thể thấy rõ qua tỷ lệ % các tội danh có quy định hình phạt tử hình so với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS hiện hành.

## 1.2. Quy định của BLHS liên quan đến vấn đề thi hành án tử hình

### 1.2.1. Những trường hợp không thi hành án tử hình

- BLHS năm 1985 không có quy định về việc không thi hành án tử hình mà chỉ có quy định về việc hoãn thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai và phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng.
  - Điều 35 của BLHS năm 1999 quy định hai trường hợp không thi hành án tử hình. Đó là đối với phụ nữ có thai và phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định này thì trong trường hợp không thi hành án tử hình hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.
  - BLHS năm 2015 (Điều 40) tiếp tục kế thừa hai trường hợp không thi hành án tử hình đã được BLHS năm 1999 quy định như đã nêu trên, đồng thời, bổ sung thêm hai trường hợp trường hợp không thi hành án tử hình đối với người bị kết án, bao gồm:
    - Người đủ 75 tuổi trở lên;
    - Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.
- Trong những trường hợp không thi hành án tử hình như đã nêu trên hoặc trong

trường hợp người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước ân giảm thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.

### 1.2.2. Khả năng thi hành án tử hình ngay sau khi xét xử

- Điều 27 của BLHS năm 1985 quy định rằng, “Chỉ trong trường hợp đặc biệt có luật quy định riêng thì tử hình mới được thi hành ngay sau khi xét xử”. Quy định này có nghĩa là có khả năng án tử hình được thi hành ngay sau khi xét xử nhưng phải được luật quy định.
- BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đã bỏ quy định này, bởi lẽ, tử hình là tước đi mạng sống của con người, do vậy, việc thi hành án tử hình phải hết sức thận trọng. Trước khi đưa bản án tử hình ra thi hành cần phải có thủ tục đặc biệt để rà soát, kiểm tra kỹ lại bản án, tránh những sai sót xảy ra mà không thể khắc phục được. Hay nói cách khác, theo BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 thì không tồn tại thủ tục thi hành bản án tử hình ngay sau khi xét xử mà việc thi hành bản án tử hình phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục chung do BLTTHS và Luật Thi hành án hình sự quy định. Sự thay đổi này cũng đưa Việt Nam đến gần hơn với các nghĩa vụ liên quan đến thủ tục tố tụng và quyền kháng cáo trong các án tử hình theo Điều 6 và Điều 13 của ICCPR<sup>58</sup>.

## 2. Quy định của BLTTHS liên quan đến việc áp dụng và thi hành án tử hình

2.1. Quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng liên quan đến vụ án mà bị can, bị cáo bị buộc tội theo khung hình phạt mà BLHS quy định mức phạt cao nhất là tử hình

Cả BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm

<sup>58</sup> Trong Nhận xét chung số 32 (đoạn 48), Ủy ban Quyền con người cho rằng quyền kháng cáo “đã áp đặt cho Đảng Nhà

2015 đều có những điều khoản quy định riêng liên quan đến thủ tục tố tụng đối với vụ án mà bị can, bị cáo bị điều tra, truy tố, xét xử về tội theo khung hình phạt có quy định hình phạt tử hình. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với vụ án trong đó bị can, bị cáo bị buộc tội theo khung hình phạt mà BLHS quy định mức phạt cao nhất là tử hình thì bắt buộc phải có người bào chữa. Nếu bị can, bị cáo, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải chỉ định người bào chữa cho họ (Điều 57 BLTTHS năm 2003; Điều 76 BLTTHS năm 2015).

Thứ hai, đối với vụ án trong đó bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt mà BLHS quy định mức phạt cao nhất là tử hình thì Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm, trong khi đối với các vụ án khác, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai hội thẩm (Điều 185 BLTTHS năm 2003; Điều 254 BLTTHS năm 2015).

Thứ ba, đối với vụ án trong đó bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt mà BLHS quy định mức phạt cao nhất là tử hình, nếu người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa (Điều 190 BLTTHS năm 2003; Điều 291 BLTTHS năm 2015).

2.2. Quy định của BLTTHS về thủ tục thi hành án tử hình

Thứ nhất, cả BLTTHS năm 2003 (Điều 258) và BLTTHS năm 2015 (Điều 367) đều có điều khoản quy định về thủ tục xem xét

nước nghĩa vụ phải xem xét lại một các thực chất, cả trên cơ sở đầy đủ bằng chứng và luật pháp, về vấn đề kết án và bản án, sao cho thủ tục cho phép xem xét đúng bản chất của bản án (CCPR/C/GC/32)

bản án tử hình trước khi đưa ra thi hành, theo đó:

- Sau khi bản án tử hình có hiệu lực pháp luật, hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) và bản án phải được gửi ngay cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) để xem xét, quyết định việc kháng nghị hoặc không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC phải quyết định kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.
  - Bản án tử hình chỉ được thi hành nếu Chánh án TANDTC và Viện trưởng VKSNDTC không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm và người bị kết án không có đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

- Trường hợp bản án tử hình bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm mà Hội đồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm TANDTC quyết định không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình thì TANDTC phải thông báo ngay cho người bị kết án biết để họ làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình.

- Trường hợp người bị kết án có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì bản án tử hình chỉ được thi hành sau khi Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm.

Thứ hai, Điều 259 của BLTTHS năm 2003 và Điều 367 của BLTTHS năm 2015 đều

quy định về trường hợp không ra quyết định thi hành án tử hình, theo đó, nếu có căn cứ xác định người bị kết án thuộc đối tượng không thi hành án tử hình thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án và báo cáo Chánh án TANDTC để xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.

Thứ ba, ngoài ra, Điều 259 của BLTTHS năm 2003 còn quy định về các trường hợp hoãn thi hành án tử hình, theo đó:

- Khi phát hiện người bị kết án thuộc đối tượng không thi hành án tử hình thì Hội đồng thi hành án tử hình hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án<sup>59</sup> để báo cáo Chánh án TANDTC xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.
- Trường hợp có tình tiết đặc biệt (ví dụ như: người bị kết án khai ra tình tiết mới hoặc đồng phạm mới trong vụ án, khai ra tình tiết có thể làm thay đổi bản chất của vụ án, ...) thì Hội đồng thi hành án tử hình hoãn thi hành và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án để báo cáo Chánh án TANDTC.

### 3. Quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và Luật Thi hành án hình sự liên quan đến vấn đề thi hành án tử hình

Thứ nhất, theo quy định tại Điều 37 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thì cơ sở giam giữ phải bảo đảm cho người bị kết án tử hình thực hiện quyền kháng cáo, quyền đề nghị xem xét theo thủ tục

<sup>59</sup> Theo Điều 55, 56 của Luật Thi hành án hình sự, Hội đồng thi hành án tử hình có nhiệm vụ và quyền hạn: quyết định kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo thi hành án; Xem xét các điều kiện về người bị xử tử theo yêu cầu của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự; ban hành quyết định hoãn thi hành án và báo cáo với chánh án tòa án đã ra quyết định xử tử, nếu người bị kết án không đủ điều kiện để bị xử tử

giám đốc thẩm, tái thẩm, quyền xin ân giảm án tử hình theo quy định của BLTTHS và các quyền khác của người bị tạm giam.

Thứ hai, Điều 58 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 đã kế thừa quy định tại Điều 259 của BLTTHS năm 2003 về việc hoãn thi hành án tử hình, đồng thời xác định rõ những trường hợp Hội đồng thi hành án tử hình quyết định hoãn thi hành án. Đó là:

- Khi phát hiện người chấp hành án thuộc trường hợp không thi hành án tử hình theo quy định của BLHS;
- Có lý do bất khả kháng;
- Ngay trước khi thi hành án, người chấp hành án khai báo những tình tiết mới về tội phạm.

Các trường hợp hoãn thi hành án tử hình nêu trên tiếp tục được ghi nhận tại Điều 81 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020), đồng thời, Luật cũng bổ sung trường hợp hoãn thi hành án tử hình do có trở ngại khách quan.

Tóm lại, từ sự phân tích trên đây về các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hình phạt tử hình qua các lần sửa đổi, bổ sung, có thể thấy rằng, pháp luật Việt Nam từng bước được hoàn thiện theo hướng thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình.

## II. KHẢ NĂNG CỦA VIỆT NAM GIA NHẬP NGHỊ ĐỊNH THƯ TỰY CHỌN THỨ HAI VỀ BÃI BỎ HÌNH PHẠT TỬ HÌNH THEO ICCPR

Để có những nhận xét, đánh giá toàn diện về khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình cần phải làm rõ hai vấn đề cơ bản sau đây: một là, tính tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Nghị định thư. Đây là yếu tố quan trọng về mặt pháp lý để đánh giá khả năng gia nhập cũng như bảo đảm thực thi Nghị định thư; hai là, tình khả thi về mặt chính sách hiện nay của việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam.

### 1. Tính tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình

Để đánh giá khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình thì cần phải đánh giá tính tương thích giữa pháp luật quốc gia với các nghĩa vụ theo Nghị định thư. Điều này là hết sức quan trọng để giúp Việt Nam có sự lựa chọn phù hợp. Nếu là tương thích ở mức độ cơ bản thì có thể xem xét khả năng gia nhập Nghị định thư rồi sau đó cần hoàn thiện hệ thống pháp luật. Trường hợp mức độ tương thích còn thấp hoặc chưa tương thích thì chưa nên đặt vấn đề gia nhập Nghị định thư mà thay vào đó là cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia và vấn đề gia nhập Nghị định thư sẽ được lựa chọn quyết định vào thời điểm thích hợp.

Qua nghiên cứu Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình, chúng tôi thấy rằng, nội dung cốt lõi của Nghị định thư này được thể hiện rõ tại Điều 1 và các quốc gia thành viên Nghị định thư có nghĩa vụ phải

tuân thủ. Cụ thể:

Yêu cầu thứ nhất liên quan đến việc không thi hành án tử hình: Không một người nào thuộc phạm vi quyền tài phán của một quốc gia thành viên Nghị định thư này bị hành quyết.

Yêu cầu thứ hai liên quan đến việc bãi bỏ hình phạt tử hình: Mỗi quốc gia thành viên Nghị định thư sẽ tiến hành tất cả những biện pháp cần thiết để bãi bỏ hình phạt tử hình trong phạm vi quyền tài phán của mình cả trong luật lẫn trên thực tế.

Liên quan đến các yêu cầu nêu trên của Nghị định thư, Việt Nam chưa thể đáp ứng được yêu cầu thứ hai của Nghị định thư, bởi lẽ, Việt Nam vẫn còn duy trì hình phạt tử hình cả trong luật lẫn trên thực tế. Vấn đề đòi hỏi phải được xem xét là liệu Việt Nam đã đáp ứng được yêu cầu thứ nhất của Nghị định thư hay chưa và nếu có thì ở mức độ nào?

Như đã đề cập ở phần trên, quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hình phạt tử hình đang từng bước được hoàn thiện theo hướng thu hẹp dần phạm vi áp dụng hình phạt tử hình cũng như thi hành án tử hình, bằng cách:

Một là, giảm số lượng các tội danh có quy định hình phạt tử hình từ 29 tội danh trong BLHS năm 1985 (chiếm tỷ lệ 14,87% so với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS) xuống còn 22 tội danh trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (chiếm tỷ lệ 8,09% so với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS) và còn 18 tội danh, trong BLHS năm 2015 (chiếm tỷ lệ 5,73% so với tổng số các tội danh được quy định trong BLHS), đồng thời, mở rộng diện các đối tượng không bị áp dụng hình phạt tử hình (bao gồm: người dưới 18

tuổi khi phạm tội; phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử). Đối với những đối tượng này thì trong bất kỳ trường hợp nào Tòa án cũng không được tuyên án tử hình đối với họ.

Hai là, hình phạt tử hình được quy định trong khung hình phạt nặng nhất đối với tội phạm và luôn là hình phạt lựa chọn với tù chung thân. Điều này có nghĩa là, theo BLHS Việt Nam thì không có trường hợp bắt buộc phải áp dụng hình phạt tử hình. BLHS cũng quy định rõ ràng, chặt chẽ các điều kiện áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội danh có quy định hình phạt này để Tòa án cân nhắc, áp dụng trong từng trường hợp cụ thể. Ví dụ như: BLHS năm 2015 quy định cụ thể những trường hợp phạm tội giết người có thể bị áp dụng hình phạt tử hình (khoản 1 Điều 123); những trường hợp phạm các tội: sản xuất, vận chuyển hoặc mua bán trái phép chất ma túy có thể bị áp dụng hình phạt tử hình (khoản 4 các Điều 248, 250, 251).

Ba là, mở rộng phạm vi các đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình, theo đó, nếu như BLHS năm 1985 quy định 03 đối tượng là: người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai và phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì đến BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm đối tượng là người đủ 75 tuổi trở lên, đồng thời, mở rộng phạm vi đối tượng “phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi” thành “phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi”. Bốn là, mở rộng phạm vi các trường hợp không thi hành án tử hình, theo đó, nếu như BLHS năm 1985 không quy định trường hợp nào thì BLHS năm 1999 đã quy định 02 trường hợp là: phụ nữ có thai và phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và đến BLHS năm 2015 thì quy định 04 trường hợp. Đó là: (1) phụ nữ có thai; (2)

phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (3) người đủ 75 tuổi trở lên; (4) người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn. Đối với những trường hợp này thì đương nhiên bản án tử hình sẽ không được thi hành và hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.

Bên cạnh đó, các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và Luật Thi hành án hình sự năm 2019 liên quan đến hoãn thi hành án tử hình cũng chỉ rõ, trường hợp nếu bản án tử hình được đưa ra thi hành mà phát hiện người bị thi hành án thuộc một trong các trường hợp không thi hành án theo quy định của BLHS như đã nêu trên thì Hội đồng thi hành án tử hình phải hoãn thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án để báo cáo Chánh án TANDTC để quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

Năm là, các quy định của BLTTHS năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 về việc bảo đảm quyền của người bị kết án tử hình được làm đơn xin Chủ tịch nước ân giảm án tử hình cũng góp phần hạn chế việc thi hành án tử hình. Từ sự phân tích trên đây có thể thấy, Việt Nam đã có những nỗ lực trong việc từng bước thu hẹp về mặt pháp lý phạm vi áp dụng hình phạt tử hình cũng như thi hành án tử hình.

Thực tiễn thi hành BLHS cho thấy, mặc dù theo BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có 22 tội danh có quy định hình phạt tử hình nhưng trên thực tế các Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tử hình đối với

một số loại tội phạm nhất định. Theo Báo cáo của VKSNDTC<sup>60</sup> thì hình phạt tử hình thường được áp dụng đối với 03 loại tội phạm: (1) tội giết người (chủ yếu là các bị cáo phạm tội giết người nhằm chiếm đoạt tài sản, có tính chất côn đồ, tái phạm nguy hiểm, thực hiện tội phạm đến cùng, dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác,...); (2) tội hiếp dâm trẻ em; (3) tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (chủ yếu là các đối tượng mua bán, tàng trữ ma túy với số lượng lớn, hoạt động có tổ chức).

Như vậy, thực tiễn xét xử cho thấy, các Tòa án vẫn còn áp dụng hình phạt tử hình đối với một số tội phạm và cũng chưa có cơ sở để khẳng định rằng, khả năng thi hành án tử hình đã được loại trừ hoàn toàn trên thực tế. Điều này có nghĩa là pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thứ nhất của Nghị định thư liên quan đến việc không thi hành án tử hình.

Tóm lại, có thể thấy rằng, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Để có thể đáp ứng được các yêu cầu này thì cần phải chấm dứt việc thi hành án tử hình và loại bỏ hình phạt tử hình ra khỏi hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong khi chờ đợi, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia liên quan đến hình phạt tử hình để thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt này. Đây được coi như là bước đi đầu tiên tiến tới việc bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam.

60 Báo cáo số 144/BC-VKSTC-V8 ngày 05/12/2012 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về Tổng kết việc thi hành Bộ luật hình sự năm 1999

## 2. Khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam

Bên cạnh việc đánh giá tính tương thích giữa pháp luật có liên quan của Việt Nam và Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình thì cũng cần xem xét một cách toàn diện khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam cả trong luật lẫn trên thực tế. Bãi bỏ hình phạt tử hình là một vấn đề mang tính chính trị - pháp lý sâu sắc, do vậy, vấn đề này cần phải được xem xét, cân nhắc hết sức thận trọng. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu một cách kỹ lưỡng diễn biến tình hình tội phạm; các biện pháp phòng, chống tội phạm hiện hành cũng như khả năng trấn áp tội phạm bằng chế tài khác thay thế cho hình phạt tử hình, đồng thời, cân nhắc các yếu tố về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa để có những đánh giá phù hợp về khả năng bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam.

### 2.1. Về mặt hoạch định chính sách

Cần phải nhận thấy rằng, việc cho phép hạn chế dần, tiến tới bãi bỏ hình phạt tử hình thông qua việc sửa đổi, bổ sung pháp luật cần phải được xem xét ở tầm chính sách quốc gia.

Ở Việt Nam, chủ trương hạn chế hình phạt tử hình đã được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra ngay từ năm 2002 - ba năm sau khi ban hành BLHS năm 1999. Cụ thể: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Nghị quyết số 08/NQ-TW) đã đề ra nhiệm vụ nghiên cứu hạn chế áp dụng hình phạt tử hình trong BLHS.

Tiếp đến, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược

cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49/NQ-TW) đã khẳng định chủ trương “Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Chủ trương này đã được thực hiện từ năm 2009 khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 và tiếp tục được thực hiện khi xây dựng và ban hành BLHS năm 2015.

Theo Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-TW thì Chiến lược cải cách tư pháp vẫn được tiếp tục triển khai thực hiện với một số điều chỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ. Điều đó có nghĩa là, Việt Nam vẫn đang thực hiện chủ trương hạn chế hình phạt tử hình trong cả lập pháp và thực tiễn thi hành.

Như vậy, để hướng tới việc bãi bỏ tử hình ở Việt Nam cũng như xem xét gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ tử hình thì điều quan trọng là cần tiếp tục nghiên cứu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan cũng như đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chủ trương được nêu trong Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp. Việc này sẽ tạo cơ sở cho các kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến hình phạt tử hình.

## 2.2. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm là yếu tố quan trọng trong việc quyết định duy trì hay bãi bỏ hình phạt tử hình.

Theo Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn gần 14 năm thi hành BLHS (từ 2000 - 2014) thì tình hình tội phạm vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ

đoạn tinh vi, xảo quyệt. Tội phạm có xu hướng gia tăng cả về quy mô lẫn tính chất nghiêm trọng. Đáng chú ý là các tội có tính chất bạo lực xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là các tội: giết người, cố ý gây thương tích và hiếp dâm. Đã xuất hiện tình trạng trẻ hóa đối tượng phạm tội, tội phạm hoạt động theo các băng nhóm có tổ chức, mặc dù chỉ là nhóm nhỏ nhưng hoạt động hết sức mạnh động và liêu lĩnh. Bên cạnh đó, các hành vi xâm hại phụ nữ và trẻ em cũng có chiều hướng gia tăng, chủ yếu tập trung vào nhóm các tội xâm hại tình dục như: hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em hoặc dâm ô với trẻ em. Loại tội phạm về ma túy cũng diễn biến khá phức tạp và có dấu hiệu gia tăng cả về số vụ lẫn số lượng ma túy phạm tội, có sự cấu kết giữa đối tượng phạm tội là người Việt Nam với đối tượng phạm tội là người nước ngoài<sup>61</sup>. Người phạm tội thường sử dụng các thủ đoạn tinh vi để che dấu tội phạm và khi bị phát hiện thì chống cự hết sức mạnh động và liêu lĩnh<sup>62</sup>. Trong bối cảnh đó, việc BLHS quy định hình phạt tử hình có thể áp dụng đối với một số tội phạm nhất định (như: giết người, hiếp dâm, một số tội phạm về ma túy, ...) được coi là phù hợp nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Như đã đề cập ở trên, với tính cách là một cấu phần nghiên cứu của Báo cáo, Nhóm nghiên cứu đã thực hiện một số phỏng vấn ngắn với các chuyên gia pháp lý công tác tại một số Bộ, ngành; cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử tại

61 Theo nghiên cứu của Tiến sĩ Đỗ Thành Trường làm việc tại Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, trong giai đoạn 2007-2017, những tội phạm về ma túy đã gia tăng cả về số lượng và số vụ. Số vụ và số người phạm tội trong năm 2017 lần lượt là 17.261 và 21.411 (tăng lần lượt là 191% và 178% so với năm 2007). Xem chi tiết tại: <http://www.vksndtc.gov.vn/khac-963>

62 Báo cáo số 35/BC-BTP ngày 12/02/2015 của Bộ Tư pháp về Kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự

một số địa phương; các luật sư và cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật<sup>63</sup>.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết các ý kiến được hỏi đều cho rằng, hiện nay chưa phải là thời điểm thích hợp để loại bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình ở Việt Nam, bởi lẽ, tình hình tội phạm ở Việt Nam diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số lượng lẫn tính chất, mức độ nguy hiểm và quy mô phạm tội. Những người được phỏng vấn phát biểu rằng, kẻ phạm tội phải bị nghiêm trị vì đã xâm hại hết sức nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người, lợi ích của Nhà nước và của xã hội. Trong nhiều trường hợp, người phạm tội đã thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với nhiều tình tiết tăng nặng đặc biệt, những tội ác mà xã hội không thể dung thứ, ví dụ như: giết người, hiếp dâm trẻ em; ... Trong những trường hợp như vậy, người được phỏng vấn thấy cần phải áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình để trấn áp tội phạm, đồng thời, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Họ cho rằng, việc tiếp tục duy trì hình phạt tử hình là cần thiết xuất phát từ tình hình kinh tế - xã hội cũng như yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm ở Việt Nam và trong bối cảnh Việt Nam chưa có được biện pháp thật hữu hiệu, đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm để thay thế hình phạt tử hình. Vì vậy, họ cảm thấy cần thiết phải duy trì hình phạt tử hình trong giai đoạn này. Trong khi chưa có bằng chứng chứng minh rằng, tử hình là hình phạt có tác dụng trấn áp tội phạm hữu hiệu hơn hình phạt khác, ví dụ, tù chung thân thì nghiên cứu này đã chỉ ra

63 Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre, Đại học Luật Hà Nội.

rằng, vẫn còn sự tin tưởng rộng rãi về sức mạnh trấn áp tội phạm của hình phạt tử hình.

Tuy nhiên, những người được phỏng vấn cũng thừa nhận rằng, tử hình là hình phạt tước đi quyền sống - quyền quan trọng nhất của con người, tước bỏ cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và phục thiện của người bị kết án. Họ cũng nhất trí cho rằng, việc thi hành án tử hình sẽ loại trừ khả năng khắc phục oan sai có thể xảy ra trên thực tế, do vậy, cần từng bước thu hẹp dần phạm vi áp dụng hình phạt tử hình và tiến tới bãi bỏ hình phạt này trong tương lai. Những người được phỏng vấn cũng thể hiện quan điểm cho rằng, chỉ nên áp dụng hình phạt tử hình đối với một số tội phạm nhất định gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cho tính mạng, sức khỏe của con người, cho lợi ích quốc gia và trật tự an toàn công cộng, ví dụ như các tội: phản bội Tổ quốc, giết người, khủng bố, một số tội phạm về ma túy.

Tháng 12/2018, một cuộc Hội thảo tham vấn về chủ đề “Khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước ICCPR” đã được tổ chức tại thành phố Đà Nẵng<sup>64</sup>. Đa số những người tham gia hội thảo đến từ các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực tư pháp hình sự, bao gồm cả vấn đề hình phạt tử hình. Các ý kiến phát biểu tán thành với những luận cứ được đưa ra trong các cuộc trả lời phỏng vấn nêu trên và cũng cho rằng, trên thực tế các Thẩm phán thường có tâm lý ngại xét xử các vụ án có thể áp dụng hình phạt tử hình và cán bộ thi hành án cũng có tâm lý miễn cưỡng khi thi hành án tử hình. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng, Việt Nam đang phải đối

64 Hội thảo tổ chức ngày 17/12/2018 tại thành phố Đà Nẵng trong khuôn khổ Chương trình Tăng cường Pháp luật và Tư

mặt với sự gia tăng tội phạm, theo đó, tình hình tội phạm diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng, nhất là một số tội phạm mang tính bạo lực, nhận thức của người dân về pháp luật vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, những người tham gia hội thảo cho rằng, việc duy trì hình phạt tử hình là biện pháp mạnh mẽ nhất và hiệu quả nhất để phòng chống một số loại tội phạm nghiêm trọng (ví dụ: tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm mang tính bạo lực, tội phạm ma túy). Đồng thời, các ý kiến cũng đồng tình với sự cần thiết nghiên cứu các biện pháp thay thế hình phạt tử hình và hạn chế dẫn việc sử dụng

pháp tại Việt Nam (EU JULE)

hình phạt này.

Từ sự phân tích trên đây có thể kết luận rằng, pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu của Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình và điều kiện chính trị cũng chưa cho phép theo đuổi việc bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình tại thời điểm này. Tuy nhiên, sự ủng hộ của mọi người đối với việc thu hẹp dần phạm vi hình phạt tử hình với quan điểm tiến tới bãi bỏ hình phạt này có thể tạo khả năng cho Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào thời điểm thích hợp về sau.

# PHẦN IV

KẾT LUẬN  
VÀ KIẾN NGHỊ



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Ở cấp độ toàn cầu, việc áp dụng hình phạt tử hình ngày càng được thừa nhận là không phù hợp với việc bảo vệ quyền sống - quyền quan trọng nhất trong các quyền con người. Với sự thừa nhận ngày càng tăng về vấn đề này, cộng đồng quốc tế đã tăng cường nỗ lực để hạn chế và bãi bỏ hình phạt tử hình. Việc Đại hội đồng LHQ thông qua Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong chiến dịch toàn cầu nhằm bãi bỏ hình phạt tử hình. Mặc dù luật nhân quyền quốc tế cho phép sử dụng tử hình như một ngoại lệ đối với quyền sống, trong trường hợp nó được áp dụng đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất, nhưng phần lớn các quốc gia đã tham gia xu hướng toàn cầu về tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ tử hình. Nhiều quốc gia cũng đã phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Trong số 142 quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình, có cả các quốc gia phát triển lẫn các quốc gia đang phát triển. Nhìn lại chính sách về hình phạt tử hình của các mẫu quốc gia khác nhau đã được nghiên cứu thì thấy rằng, việc quyết định duy trì hay bãi bỏ hình phạt tử hình không hẳn là có liên quan đến trình độ phát triển kinh tế hoặc xã hội. Chính sách về hình phạt tử hình thường chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau như truyền thống, ưu tiên chính trị hoặc các quy tắc xã hội. Vấn đề bãi bỏ hay duy trì hình phạt tử hình không còn được coi là vấn đề nội bộ, giới hạn trong luật pháp của mỗi quốc gia mà nó đã trở thành mối quan tâm chung về

quyền con người của toàn thể cộng đồng quốc tế.

Điều này cũng được minh chứng bằng việc LHQ đã thông qua một loạt Nghị quyết kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp để tạm ngừng việc thi hành án tử hình với mục đích cuối cùng là bãi bỏ tử hình ở tất cả các quốc gia.

Nhiều quốc gia cũng đã có chiến lược và chương trình để thúc đẩy việc bãi bỏ hình phạt tử hình trên phạm vi toàn cầu. Một vài quốc gia đã biến việc bãi bỏ hình phạt tử hình thành một điều kiện tiên quyết trong quan hệ ngoại giao và hợp tác song phương với các quốc gia vẫn còn duy trì hình phạt tử hình. Theo Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình thì các quốc gia thành viên có nghĩa vụ không dẫn độ những người bị kết án sang các quốc gia nơi mà họ có thể phải đối diện với án tử hình. Các kinh nghiệm thảo luận trong Phần II của Báo cáo này cho thấy, các quốc gia có thể lựa chọn các cách thức khác nhau để tiến tới bãi bỏ hình phạt tử hình. Một số quốc gia đã gia nhập Nghị định thư và bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình trong hệ thống luật pháp của mình, trong khi các quốc gia khác tuy đã bãi bỏ hình phạt tử hình trong luật nhưng vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Một vài quốc gia khác đã chọn cách tạm ngừng áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế nhưng vẫn duy trì hình phạt tử hình trong luật – đây được xem là tiền đề để tiến tới bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình.

Các cuộc phỏng vấn của chúng tôi cho thấy rằng, rất nhiều cán bộ làm các công việc có liên quan đến hình phạt tử hình vẫn xem tử hình như là một biện pháp để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống

tội phạm ở Việt Nam. Như phân tích tại Mục I thuộc Phần III của Báo cáo, Việt Nam vẫn còn duy trì hình phạt tử hình trong luật và trên thực tế, mặc dù Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc hạn chế áp dụng hình phạt tử hình trong luật. Do vậy, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được các điều kiện để gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình. Đồng thời, vẫn còn một số trở ngại đối với việc tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực của ICCPR về việc thu hẹp phạm vi và hạn chế áp dụng hình phạt tử hình, đáng chú ý là quan niệm về

“tội phạm nghiêm trọng nhất” theo giải thích của Ủy ban Quyền con người.

### II. KIẾN NGHỊ

Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực để thu hẹp phạm vi và hạn chế việc áp dụng hình phạt tử hình nhằm đáp ứng các điều kiện cần thiết để gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình vào thời điểm thích hợp. Trong lúc chờ đợi, Việt Nam nên thực hiện các bước sau:

	<p>(1) Tiếp tục nghiên cứu và phổ biến những kinh nghiệm có liên quan về bãi bỏ hình phạt tử hình của các quốc gia có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam, kể cả các mô hình tạm ngừng thi hành án tử hình, ... nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện cho các cơ quan có thẩm quyền để hoạch định chính sách quốc gia về hình phạt tử hình</p>
	<p>(2) Nâng cao nhận thức cho công chúng và đội ngũ cán bộ, công chức về các nội dung liên quan đến việc tạm ngừng thi hành án tử hình và bãi bỏ hình phạt tử hình, xu hướng của thế giới về bãi bỏ hình phạt tử hình; tăng cường các chiến dịch truyền thông và các hoạt động khác nhằm mở mang kiến thức về hình phạt tử hình</p>
	<p>(3) Tiếp tục giảm số lượng các tội danh có thể bị áp dụng hình phạt tử hình, mở rộng diện các đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành án tử hình hoặc được hoãn thi hành án tử hình thông qua việc sửa đổi BLHS, BLTTHS, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật Thi hành án hình sự, và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Đặc biệt, Việt Nam cần xem xét lại quan niệm về "các tội phạm nghiêm trọng nhất" bị áp dụng hình phạt tử hình để bảo đảm phù hợp với phạm vi "các tội phạm nghiêm trọng nhất" theo quan niệm của pháp luật quốc tế về quyền con người và Điều 6 của ICCPR</p>
	<p>(4) Coi việc áp dụng cơ chế tạm ngừng thi hành án tử hình là một bước chuẩn bị quan trọng tiến tới việc bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình</p>
	<p>(5) Tập trung nghiên cứu sâu về các biện pháp thay thế hình phạt tử hình trên cơ sở thực tiễn của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các khuyến nghị phù hợp, vừa bảo đảm tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Việt Nam, vừa bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm</p>

**BẢNG CÂU HỎI****Nghiên cứu khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị****Giới thiệu**

Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng LHQ. Công ước có hiệu lực từ ngày 23/3/1976. Việt Nam đã gia nhập Công ước này ngày 24/9/1982.

Kèm theo Công ước này có hai Nghị định thư tùy chọn, trong đó Nghị định thư tùy chọn thứ hai là về việc bãi bỏ hình phạt tử hình (sau đây gọi là Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình). Mặc dù Việt Nam chưa gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình, nhưng chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước Việt Nam từ BLHS năm 1985 đến nay đều đi theo hướng giảm dần hình phạt tử hình và tiến tới bãi bỏ hoàn toàn hình phạt này trong luật và trên thực tế. Được sự hỗ trợ của UNDP, chúng tôi đang triển khai nghiên cứu bước đầu để đánh giá khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

Mục đích của cuộc phỏng vấn này là để tìm hiểu và tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ làm công tác thực tiễn cũng như các nhà quản lý để nghe quan điểm của họ về khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

Kính mong anh (chị) vui lòng phối hợp chia sẻ ý kiến của mình về vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa nhân văn này.

Chúng tôi xin bảo đảm rằng, các ý kiến của anh (chị) trao đổi hôm nay sẽ chỉ được sử dụng cho nghiên cứu này và không để lộ thông tin cá nhân của anh (chị) trong báo cáo kết quả nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn.

**Phần 1. Thông tin cơ bản**

*Câu 1:* Xin anh (chị) vui lòng cho biết lĩnh vực mà mình đang công tác (làm chính sách, quản lý hay làm công tác thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, .....).

*Câu 2:* Xin anh (chị) vui lòng cho biết cơ quan, đơn vị nơi anh (chị) đang công tác?

*Câu 3:* Anh (chị) có bao nhiêu năm công tác với tư cách là nhà hoạch định chính sách, pháp luật, nhà khoa học, là điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, luật sư? Trong quá trình công tác của mình, anh (chị) đã từng tham gia nghiên cứu, hoạch định chính sách pháp luật liên quan đến hình phạt tử hình hoặc tham gia công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc bào chữa trong vụ án mà bị can, bị cáo có khả năng bị áp dụng hình phạt tử hình hay chưa?

**Phần 2. Ý kiến về khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình**

*Câu 4:* Theo anh (chị) tại sao Bộ luật hình sự nước ta vẫn còn quy định hình phạt tử hình? Việc giữ lại hình phạt tử hình có ý nghĩa gì?

*Câu 5:* Theo anh (chị) việc Bộ luật hình sự mới năm 2015 còn duy trì hình phạt tử hình đối với 18/314 tội danh (5,73%) thuộc 07/14 nhóm tội phạm, đã đáp ứng được yêu cầu bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, nhất là quyền sống theo tinh thần Hiến pháp mới năm 2013 hay chưa? có cần tiếp tục giảm nữa hay không?

*Câu 6:* Nếu Bộ luật hình sự vẫn tiếp tục giữ hình phạt tử hình thì theo anh (chị) nên áp dụng đối với loại tội nào? và trong những trường hợp nào?

*Câu 7:* Theo anh (chị) liệu có thể bãi bỏ hình phạt tử hình ở nước ta hay không? và khi nào thì có thể bãi bỏ được?

*Câu 8:* Theo anh (chị) để có thể bãi bỏ hình phạt tử hình thì cần phải hội tụ những điều kiện gì?

*Câu 9:* Theo anh (chị), liên quan đến việc bãi bỏ hình phạt tử hình thì những phương diện quan trọng nào cần được tính đến (chủ trương chính trị hay quá trình lập pháp hình sự hay thực tiễn áp dụng hay cả ba phương diện này)? và để bãi bỏ hình phạt tử hình thì phải làm cách nào?

*Câu 10:* Anh (chị) có hiểu biết gì về Nghị định thư về bãi bỏ tử hình?

*Câu 11:* Theo anh (chị), việc Việt Nam chưa gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ tử hình có ảnh hưởng như thế nào đến quá trình hội nhập quốc tế của nước ta?

*Câu 12:* Theo anh (chị) thì liệu nước ta đã có thể gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình được hay chưa? và thời điểm nào gia nhập Nghị định thư là phù hợp.





## BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÒNG VẤN

### Phục vụ xây dựng Báo cáo nghiên cứu “Khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”

Trong quá trình xây dựng Báo cáo nghiên cứu “Khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư tùy chọn thứ hai về bãi bỏ hình phạt tử hình theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”, Nhóm nghiên cứu đã kết hợp thực hiện một số cuộc phỏng vấn để thu thập các ý kiến về vấn đề hình phạt tử hình và khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình.

#### 1. Mục đích phỏng vấn

Mục đích của các cuộc phỏng vấn là tham khảo ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ quản lý, những người làm công tác thực tiễn về khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng Báo cáo nêu trên.

#### 2. Đối tượng phỏng vấn gồm 05 nhóm:

- Những người làm công tác hoạch định chính sách, pháp luật thuộc các Bộ, ngành, như: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, một số Ủy ban của Quốc hội (ví dụ: Tư pháp, Pháp luật, Các vấn đề xã hội, Đối ngoại);
- Những người làm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự (cán bộ thuộc các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án);
- Những người làm công tác bào chữa (luật sư, trợ giúp viên pháp lý) cho bị can, bị cáo trong các vụ án mà theo luật có thể bị áp dụng hình phạt tử hình;
- Những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy pháp luật về hình sự tại một số cơ sở nghiên cứu, đào tạo (ví dụ: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Tư pháp, Viện khoa học pháp lý, Đại học Luật Hà Nội, khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, ....);
- Các chuyên gia pháp lý.

#### 3. Nội dung phỏng vấn

Nội dung phỏng vấn chủ yếu tập trung vào 03 nhóm vấn đề chính:

- Lý do BLHS Việt Nam vẫn còn duy trì hình phạt tử hình và sự cần thiết tiếp tục thu hẹp phạm vi và hạn chế áp dụng hình phạt tử hình;
- Những điều kiện cần thiết để bãi bỏ hình phạt tử hình ở Việt Nam, bao gồm cả các bước chuyển tiếp để giảm dần việc áp dụng hình phạt tử hình cho tới khi bãi bỏ hoàn toàn hình phạt này;
- Những việc cần làm để hạn chế và bãi bỏ hình phạt tử hình như là một điều kiện tiên quyết để Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ tử hình.

#### 4. Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn là trao đổi trực tiếp với từng người được phỏng vấn, kết hợp với trả lời Phiếu câu hỏi trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

Ngoài một số câu hỏi liên quan đến thông tin cá nhân người được phỏng vấn, nội dung của Phiếu câu hỏi phỏng vấn gồm 10 câu hỏi chủ yếu tập trung vào 03 nhóm vấn đề chính nêu trên.

#### 5. Kết quả phỏng vấn

Do hạn hẹp về thời gian nên các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong phạm vi hẹp, với số lượng người tham gia hạn chế (30 người). Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu đã cố gắng bảo đảm thành phần những người được phỏng vấn đa dạng, đại diện cho các ngành nghề khác nhau.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành trao đổi, phỏng vấn các chuyên gia pháp lý đến từ một số Bộ, ngành (như: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử (như: Công an các tỉnh Bến Tre, Bình Dương, Đồng Nai, Đồng Tháp, Tiền Giang, TP. Cần Thơ; Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh An Giang, Đồng Tháp; Tòa án nhân dân các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long; Tòa án cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh); các Luật sư (Đoàn Luật sư các tỉnh An Giang, Bến Tre, Tiền Giang) và cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo Luật (Đại học Luật Hà Nội).

Qua phỏng vấn, Nhóm nghiên cứu nhận thấy, hầu hết những người được phỏng vấn đều muốn chia sẻ ý kiến của mình về vấn đề hình phạt tử hình thông qua trao đổi trực tiếp hơn là thể hiện bằng văn bản. Do vậy, Nhóm nghiên cứu chỉ nhận được 10 ý kiến trả lời Phiếu câu hỏi bằng văn bản.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết các ý kiến được hỏi đều cho rằng, hiện nay chưa phải là thời điểm thích hợp để bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình ở Việt Nam. Họ cảm thấy rằng, tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số lượng lẫn tính chất, mức độ nguy hiểm và tính chất man rợ, tàn bạo, xâm hại hết sức nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người, lợi ích của Nhà nước và của xã hội cần phải nghiêm trị.

Những người được phỏng vấn cũng xác nhận rằng, trong nhiều trường hợp, người phạm tội đã thực hiện những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà xã hội không thể dung thứ, như: giết người, hiếp dâm trẻ em. Nhiều người có quan điểm rằng, đây là những tội phạm đáng bị áp dụng hình phạt tử hình với tính chất là biện pháp phòng ngừa và là con đường để nâng cao ý thức cộng đồng về hậu quả nặng nề của việc phạm tội và cho rằng, việc tiếp tục duy trì hình phạt tử hình là cần thiết xuất phát từ tình hình thực tế kinh tế - xã hội. Đây cũng được xem là biện pháp cần thiết để đấu tranh chống tham nhũng và ngăn chặn sự gia tăng của tội phạm nghiêm trọng. Những người được phỏng vấn cũng thấy rằng, hiện tại chưa có hình phạt thay thế nào với tính cách là một biện pháp thật hữu hiệu, đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm để thay thế hình phạt tử hình. Theo quan điểm của họ thì việc áp dụng hình phạt tử hình đã có hiệu quả nhất định trong việc phòng ngừa tội phạm và là biện pháp giáo dục phòng ngừa chung nhằm giảm các hành động phạm tội.

Tuy nhiên, các ý kiến cũng nhất trí rằng, hình phạt tử hình tước đi quyền sống - quyền quan trọng nhất của con người. Nó cũng loại trừ khả năng tái hòa nhập cộng đồng và phục thiện của người bị kết án. Do vậy, cần từng bước thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình và tiến tới xóa bỏ hình phạt này trong tương lai. Cá biệt, có ý kiến cho rằng, hình phạt tử hình chỉ nên áp dụng đối với một số ít tội phạm, xâm hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người hoặc lợi ích quốc gia và trật tự an toàn công cộng, ví dụ như các tội: phản bội Tổ quốc, giết người, khủng bố và các tội phạm về ma túy.

Liên quan đến khả năng của Việt Nam gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình, tất cả các ý kiến đều cho rằng, hiện nay chưa phải là thời điểm thích hợp để đặt vấn đề gia nhập Nghị định thư này. Những người được phỏng vấn nhận xét rằng, pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn chưa tương thích với Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình và cho rằng, hình phạt tử hình vẫn còn cần thiết để phòng ngừa các tội phạm nghiêm trọng nhất. Nhằm hướng tới việc gia nhập Nghị định thư về bãi bỏ hình phạt tử hình, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện các bước chuẩn bị để giảm áp dụng hình phạt tử hình cho tới khi bãi bỏ hoàn toàn hình phạt này./.

